



QUAN ĐIỂM CỦA VIỆT NAM VỀ CHỦ QUYỀN TRÊN QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA: ĐÒI HỎI TRÊN BIỂN CỦA VIỆT NAM

Nguồn: Nguyen, Hong Thao¹ (2012). “Vietnam’s Position on the Sovereignty over the Paracels & the Spratlys: Its Maritime Claims”, *Journal of East Asia and International Law*, 5(1), pp. 165-211.

Biên dịch: Nguyễn Thái Giang, Nguyễn Thị Lan Hương, Quách Thị Huyền

Hiệu đính: Việt Long

Biển Đông từ lâu được coi là nguyên nhân chính gây căng thẳng và bất ổn tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Làm rõ quan điểm của các bên yêu sách là một nhiệm vụ nghiên cứu nhằm tạo ra các biện pháp xây dựng lòng tin và tăng cường nỗ lực để kiểm soát những xung đột có thể xảy ra trong khu vực. Mục đích của bài viết này nhằm làm rõ quan điểm của Việt Nam về tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và các vùng biển tại Biển Đông. Quan điểm của Việt Nam sẽ được xem xét trên ba khía cạnh: (1) chủ quyền của Hoàng Sa và Trường Sa; (2) các vùng biển bao quanh hai quần đảo này; và (3) giải quyết tranh chấp tại Biển Đông.

1. Giới thiệu

Hoàng Sa (tiếng Anh: Paracels, tiếng Trung: Tây Sa) và Trường Sa (tiếng Anh: Spratlys, tiếng Trung: Nam Sa) là hai quần đảo nằm ở trung tâm của Biển Đông (tên quốc tế: South China Sea, Việt Nam gọi là Biển Đông, Philippines gọi là Biển Tây). Tranh chấp chủ quyền

¹Phó Giáo sư khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Cử nhân Học viện Hải quân Bacu, Liên Xô cũ, Tiến sĩ Luật biển Đại học Paris I – Panteon-Sorbonne. Tác giả xin cảm ơn các ông Dương Danh Huy, Nguyễn Đăng Thắng, Vũ Hải Đăng, Phạm Quang Tuấn, Trần Văn Thủy, Trần Trường Thủy, Phạm Hoàng Quân đã cung cấp tài liệu. Bài viết thể hiện quan điểm cá nhân của tác giả, không đại diện cho lập trường chính thức của Chính phủ Việt Nam. Địa chỉ liên lạc tác giả: nguyenhongthao57@gmail.com/ 144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam

đối với quần đảo Hoàng Sa đã tồn tại hơn một trăm năm và đối với quần đảo Trường Sa đã tồn tại tám mươi năm. Ban đầu, tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa chỉ phát sinh giữa hai bên tranh chấp là Việt Nam và Trung Quốc. Nhưng do sự thay đổi về địa chính trị sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ 2, sự phát triển của khoa học công nghệ cả về lĩnh vực dân sự và quân sự, khủng hoảng dầu mỏ và trật tự pháp lý trên biển mới được xác lập bởi luật biển giữa những năm 1970 và 1980, tranh chấp chủ quyền đã mở rộng tới quần đảo Trường Sa và các vùng biển xung quanh hai quần đảo này. Cũng có một số các bên tranh chấp như Anh và Nhật Bản đã có yêu sách đối với một số đảo nhưng sau đó đã từ bỏ. Kể từ năm 1956, đặc biệt cuối những năm 1970 đã xuất hiện các bên tranh chấp mới như Philippines, Malaysia và Brunei. Sau hai cuộc hải chiến vào năm 1974 và 1988, Trung Quốc đã chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và một số đảo đá tại quần đảo Trường Sa. Sự kiện Vịnh Khẩn năm 1995 giữa Trung Quốc và Philippines đã đưa ASEAN và Trung Quốc đến đàm phán Bộ Quy tắc ứng xử tại Biển Đông (COC), kết quả đầu tiên của tiến trình này là việc kí kết Tuyên bố ứng xử của các bên tại Biển Đông (DOC) năm 2002.² Ngay sau khi ký kết DOC, tình hình ở Biển Đông đã hạ nhiệt trong một vài năm. Tuy nhiên, từ 2009 sau khi Phái đoàn thường trực của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (PRC) tại Liên hợp quốc đệ trình bản đồ hình chữ U (đường đứt khúc 9 đoạn) lên Ủy ban Liên hợp quốc về Ranh giới thềm lục địa (CLCS), những tuyên bố về “lợi ích cốt lõi”³ của Trung Quốc và “lợi ích quốc gia”⁴ của Mỹ tại Biển Đông thì tình hình tại đây lại căng thẳng trở lại và làm dấy lên mối lo ngại sâu sắc đối với cộng đồng quốc tế. Lịch sử tranh chấp phức tạp và những nỗ lực bất thành trong việc tìm kiếm các giải pháp giải quyết tranh chấp có thể chấp nhận được đã khiến cho những tranh chấp ở Biển Đông trở thành một trong những tranh chấp phức tạp nhất trong bản đồ chính trị quốc tế.⁵ Hiện tại, Việt Nam và Trung Quốc⁶ yêu sách toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, trong khi Brunei, Malaysia và Philippines yêu sách một phần hoặc hầu hết đối với quần đảo Trường Sa. Có rất nhiều bài viết làm rõ quan điểm của các bên và đề xuất các giải pháp cho tranh chấp.⁷ Một vài lý do đã được đưa ra để giải thích cho sự

² Xem “Tuyên bố về ứng xử giữa các bên tại Biển Đông giữa ASEAN – Trung Quốc”, được kí nhân dịp Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 8 tại vào ngày 14 tháng 11, 2002, tại <http://www.aseansec.org/13163.htm> (truy cập ngày 30 tháng 3 năm 2012)

³ Carlyle Thayer, *China's Core interest in the South China Sea*, SCRIBD (Sep. 17, 2010), tại <http://www.scribd.com/doc/38047349/Thayer-China-s-Core-Interest-in-the-South-China-Sea> (truy cập ngày 30 tháng 3 năm 2012).

⁴ Xem “Remarks by Hilary Clinton, Secretary of State” tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, ARF 17, Hà Nội, Việt Nam, (23 tháng 7, 2010) tại <http://www.state.gov/secretary/rm/2010/07/145095.htm> (truy cập ngày 30 tháng 3 năm 2012)

⁵ Hungdah Chiu & Choon-ho Park, *Legal Status of the Paracels and Spratlys Islands*, 3 OCEAN DEV. & INTL. L. 3 (1975).

⁶ Tại đây, Trung Quốc và Việt Nam được coi như một bên tranh chấp vì có cùng quan điểm đối với tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa.

⁷ GREG AUSTIN, *CHINA'S OCEAN FRONTIER: INTERNATIONAL LAW, MILITARY FORCE AND NATIONAL DEVELOPMENT* (1998); BOB CATLEY & MALMUR KELIAT, *SPRATLYS: THE DISPUTE IN THE SOUTH CHINA SEA* (1997); Robert Beckman, *China, UNCLOS and the South China Sea*, ASIAN SOC'Y INT'L L. 3RD BIENNIAL CONFERENCE PAPER 12 (2011), tại <http://cil.nus.edu.sg/wp/wp-content/uploads/2009/09/AsianSIL-Beckman-China-UNCLOS-and-the-South-China-Sea-26-July-2011.pdf> (truy cập ngày 30 tháng 3, 2012); John Chao, *South China Sea: Boundary Problems Relating to the Nansha and*

phức tạp của tranh chấp Biển Đông: vị trí địa lý của Biển Đông; tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và các vùng biển tại Biển Đông; cuộc chạy đua đối với quyền kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại khu vực này; thiếu sự rõ ràng của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS) về quy chế của đảo và đảo đá, và những tình cảm dân tộc. Để hiểu được tình hình này, nghiên cứu về quan điểm của các bên trong tranh chấp dưới ánh sáng của sự phát triển của luật pháp và thực tiễn quốc tế là điều cần thiết. Bài viết này không cố gắng nghiên cứu toàn diện về quan điểm của tất cả các bên tranh chấp và các bên liên quan. Bài viết cũng không có tham vọng phân tích tất cả sự phát triển của luật pháp quốc tế có thể ảnh hưởng đến cuộc cạnh tranh về chủ quyền và các quyền tại Biển Đông. Việt Nam là một trong các bên tranh chấp bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi xung đột Biển Đông. Do đó, bài viết này chỉ nghiên cứu quan điểm của Việt Nam về tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và các vùng biển tại Biển Đông. Quan điểm của Việt Nam sẽ được xem xét trên ba khía cạnh: (1) chủ quyền của Hoàng Sa và Trường Sa; (2) các vùng biển xung quanh các đảo này; và (3) giải quyết tranh chấp tại Biển Đông.

Hsisha Islands, 9 CHINESE Y.B. INT'L L. & AFF. 66-156 (1989-1990); Lee G. Cordner, The Spratly Islands Dispute and the Law of the Sea, 25 OCEAN DEV. & INTL. L. 61 (1994); MONIQUE CHEMILLIER-GENDREAU, SOVEREIGNTY OVER THE PARACEL AND SPRATLY ISLANDS (2000); Jorge Coquia, Maritime Boundary Problems in the South China Sea, 24 U. BRIT. COLUM. L. REV. 117-125 (1990); COOPERATIVE MONITORING IN THE SOUTH CHINA SEA: SATELLITE IMAGERY, CONFIDENCE-BUILDING MEASURES, AND THE SPRATLY ISLANDS DISPUTES (John Baker & David Wiencek eds. 2002); ERIC DENÉCÉ, GÉOSTRATÉGIE DE LA MER DE CHINE MÉRIDIONALE ET DES BASINS MARITIMES ADJACENTS (1999); Daniel Dzurek, The Spratly Islands Dispute: Who's On First?, 2 MAR. BRIEFING (1996); Alex Elferink, The Islands in the South China Sea: How Does Their Presence Limit the Extent of the High Seas and the Area and the Maritime Zones of the Mainland Coasts?, 32 OCEAN DEV. & INTL. L. 169-190 (2001); FISHING IN TROUBLED WATERS. PROCEEDINGS OF AN ACADEMIC CONFERENCE ON TERRITORIAL CLAIMS IN THE SOUTH CHINA SEA (Ronald Hill et al. eds. 1991), 97 Centre of Asian Studies Occasional Papers & Monographs; Xavier Furtado, International Law and the Dispute Over the Spratly Islands: Whither UNCLOS? 21 CONTEMP. SOUTHEAST ASIA 386-404 (1999); Marius Gjetnes, The Spratlys: Are They Rocks or Islands?, 32 OCEAN DEV. & INTL. L. 191-204 (2001); B.A. Hamzah, Jurisdictional Issues and Conflicting Claims in the Spratlys, 1:1 FOREIGN REL. J. 1-26 (1990); Christopher Joyner, The Spratly Islands Dispute: Rethinking the Interplay of Law, Diplomacy and Geo-politics in the South China Sea, 13 INT'L J. MAR. & COASTAL L. 193-236 (1998); VAN LOI LUU, THE SINO-VIETNAMESE DIFFERENCE ON THE HOANG SA AND TRUONG SA ARCHIPELAGOES (1996); R. HALLER-TROST, THE SPRATLY ISLANDS: A STUDY ON THE LIMITATIONS OF INTERNATIONAL LAW (1990); DIETER HEINZIG, DISPUTED ISLANDS IN THE SOUTH CHINA SEA: PARACELS, SPRATLYS, PRATAS, MACCLESFIELD BANK (1976); KRIANGSAK KITTICHAISAREE; THE LAW OF THE SEA AND MARITIME BOUNDARY DELIMITATION IN SOUTH-EAST ASIA (1987); Chiu & Park, chú thích 4; VICTOR PRESCOTT, LIMITS OF NATIONAL CLAIMS IN THE SOUTH CHINA SEA (1999); VICTOR PRESCOTT, THE GULF OF THAILAND: MARITIME LIMITS TO CONFLICT AND COOPERATION (1998); Eric Hyer, Special Issue: The South China Sea Territorial Disputes, 12 AM. ASIAN REV. 1-209 (1994); WAR OR PEACE IN THE SOUTH CHINA SEA? (Timo Kivimaki ed. 2002); HONG THAO NGUYEN, LE VIETNAM ET SES DIFFERENDS MARITIMES DANS LA MER DE BIEN DONG MER DE CHINE MERIDIONALE (2004); Hong Thao Nguyen & Ramses Amer, Managing Vietnam Maritime Boundary Disputes, 38 OCEAN DEV. & INTL. L. (2007); MARWYN SAMUELS, CONTEST FOR THE SOUTH CHINA SEA (1982); MARK VALENCIA & JON VAN DYKE & NOEL LUDWIG, SHARING THE RESOURCES OF THE SOUTH CHINA SEA (1997); Hong Thao Nguyen & Ramses Amer, A New Legal Arrangement for The South China Sea, 40 OCEAN DEV. & INT'L. L. 333-349 (2009); Zou Keyuan, South China Sea Studies in China: Achievements, Constraints and Prospects, 11 SING. Y.B. INT'L L. 85 (2007).

2. Quan điểm của Việt Nam về chủ quyền của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Quần đảo Hoàng Sa gồm khoảng 30 đảo nhỏ, đá và bãi nửa nổi nửa chìm, trong khoảng vĩ độ 16° – 17° Bắc và kinh độ 111° – 113° Đông trên một vùng biển rộng khoảng 16000 km². Quần đảo Trường Sa nằm trong khoảng vĩ độ 12° – 4° Bắc và kinh độ 109° – 118° Đông, bao gồm hàng trăm đảo, đá, bãi nửa nổi nửa chìm trải trên vùng biển rộng gấp 10 lần vùng biển của quần đảo Hoàng Sa, khoảng 160000 và 180000 km². Hai quần đảo này còn có một số lượng lớn bãi ngầm và bãi san hô. Khoảng cách từ quần đảo Hoàng Sa đến điểm gần nhất của đất liền Việt Nam (cảng Đà Nẵng) là 170 hải lý và đảo Hải Nam Trung Quốc là 160 hải lý. Quần đảo Trường Sa cách Vịnh Cam Ranh (Việt Nam) 250 hải lý và cách Đảo Hải Nam Trung Quốc 520 hải lý.⁸ Trong một thời gian dài, những chấm nhỏ li ti của hai quần đảo này chỉ được biết đến như những điểm cực kỳ nguy hiểm đối với các nhà hàng hải hay là nơi trú ẩn của ngư dân trong khu vực.⁹ Đến đầu thế kỉ 17, các triều đại của Việt Nam (nhà Nguyễn và Tây Sơn) là những triều đại đầu tiên thực hiện chức năng nhà nước đối với những hòn đảo không có người sinh sống và xa xôi này. Làn sóng chiếm hữu thường xuyên những hòn đảo không có người sinh sống, nghèo tài nguyên và không có nước sạch này diễn ra lần đầu tiên vào giữa những năm 1920 và 1930 khi Pháp, đại diện cho Triều đình phong kiến Việt Nam trong mọi quan hệ đối ngoại từ năm 1884, phái những đội quân thường trú tới quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ khi Pháp và Trung Hoa Dân Quốc chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2. Giữa những năm 1950, sau khi Pháp rút khỏi Việt Nam, Việt Nam Cộng hòa đã tiếp quản phía tây quần đảo Hoàng Sa trong khi Trung Quốc tiếp quản phía đông. Tại quần đảo Trường Sa, quân Đài Loan chiếm đóng đảo Ba Bình (Itu Aba), một số đảo khác dưới sự kiểm soát của Việt Nam Cộng hòa. Giai đoạn chiếm đóng thứ 3 diễn ra giữa những năm 1970 và 1980 khi Trung Quốc giành quyền kiểm soát phía tây quần đảo Hoàng Sa từ Việt Nam Cộng hòa vào năm 1974. Sau cuộc tổng tuyển cử năm 1976, miền Bắc và miền Nam Việt Nam hợp nhất thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Philippines tham gia vào tranh chấp Trường Sa từ những năm 1970 trong khi đó Malaysia lần đầu tiên kiểm soát một đảo thuộc quần đảo này vào năm 1983. Giai đoạn chiếm đóng thứ 4 được đánh dấu bởi sự có mặt lần đầu tiên của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa sau một cuộc va chạm ngắn với tàu vận tải của hải quân Việt Nam. Quan điểm của Việt Nam và các bên tranh chấp khác có thể tìm hiểu bằng cách phân chia lịch sử tranh chấp thành các giai đoạn thích hợp. Hành động của các bên qua đó có thể xem xét dưới ánh sáng của luật thời điểm.

⁸ Sách trắng Bộ Ngoại giao Việt Nam năm 1988, The Hoang Sa (Paracel) and Truong Sa (Spratly) Archipelagoes and International Law 32(1988), tại <http://www.presscenter.org.vn/en/images/42905-bngvietnam88.pdf> (truy cập ngày 30 tháng 3, 2012).

⁹ Chemillier-Gendreau, chú thích số 6, tr.16; Samuels, chú thích số 6, tr.40.

A. Trước thế kỷ 20

Nguyên tắc “chiếm hữu thực sự” được hình thành trong quá trình giải quyết tranh chấp chủ quyền giữa các quốc gia và tiếp tục được thừa nhận trong luật pháp quốc tế, các điều ước, tập quán và xét xử quốc tế. Có nguồn gốc từ Luật La Mã và được phát triển bởi Định ước Berlin 1885 và Thẩm phán Max Huber trong phán quyết vụ Đảo Palmas 1928, nguyên tắc “chiếm hữu thật sự” là một phương thức thụ đắc danh nghĩa “dựa trên việc thực thi quyền lực quốc gia một cách hòa bình và liên tục”¹⁰ trên đảo. Một số vụ đã làm nổi bật nguyên tắc: chiếm hữu thực sự là “thực hiện liên tục và hòa bình” quyền lực nhà nước cho phép một quốc gia thực hiện chủ quyền đối lãnh thổ vô chủ (*res nullius*) hoặc lãnh thổ bị bỏ rơi (*res derelicta*) như vụ đảo Palmas (tranh chấp giữa Mỹ và Niu Di-Lân, 4 tháng 4, 1928), vụ đảo Clipperton (Mexico và Pháp, 28 tháng 5, 1931), vụ Đông Greenland (Đan Mạch và Nauy, 5 tháng 4, 1953) hoặc vụ Minquiers and Ecrehous (Anh và Pháp, 17 tháng 1, 1953). Hai vụ gần đây tại Đông Nam Á, Pulau Ligitan and Pulau Sipadan (Malaysia và Indonesia, 17 tháng 12, 2002) và Pedra Branca, Pulau Batu Puteh, Middle Rocks, và South Ledge (Singapore/Indonesia 23 tháng 5, 2008) cũng nhấn mạnh ý nghĩa của nguyên tắc này.¹¹

Chỉ có Nhà nước mới có thể xác lập chủ quyền trên lãnh thổ vô chủ thông qua chiếm hữu thật sự và “thực hiện hòa bình và liên tục” chủ quyền nhà nước trong một thời gian nhất định. Việc một hoặc nhiều cá nhân là công dân của một nước thực hiện hành vi chiếm hữu với tư cách cá nhân sẽ không tạo ra một danh nghĩa chủ quyền cho nhà nước đó.

Phát hiện với ý định sở hữu có thể tạo ra danh nghĩa ban đầu nhưng chưa đủ để tạo ra quyền sở hữu đối với lãnh thổ vô chủ của quốc gia phát hiện. Danh nghĩa ban đầu phải được củng cố bằng cách thực hiện ý định sở hữu lãnh thổ vô chủ, chiếm hữu thực sự, hiệu quả và quản lý hành chính trong một thời gian hợp lý.¹²

Luật pháp quốc tế cũng thừa nhận trong trường hợp quốc gia có yêu sách đối với lãnh thổ xa xôi và thưa thớt dân cư thì quốc gia đó không nhất thiết phải duy trì sự hiện diện thường xuyên.¹³ Trích dẫn các tài liệu địa lý, một số tác giả Trung Quốc khẳng định rằng

¹⁰ Xem Island of Palmas Case (Neth. v. U.S.), 2 R.I.A.A. 845-846 (Perm. Ct. Arb. 1928); Maritime Delimitation and Territorial Questions between Qatar and Bahrain, 2001 I.C.J. (Mar. 16), xem Ý kiến riêng của Torres Bernárdez, đoạn 73 & 76, tại <http://www.icj-cij.org/docket/files/87/7047.pdf> (truy cập ngày 30 tháng 3, 2012).

¹¹ Xem Island of Palmas Case, sđd 829; D.J. HARRIS, CASES AND MATERIALS ON INTERNATIONAL LAW 190 (5th ed. 1998); Judicial decisions involving questions of international law (Fr. v. Mex.) của Victor Emmanuel, 26 AM. J. INT'L L. 394 (1932); Legal Status of Eastern Greenland (Nor. v. Den.) 1933 P.C.I.J. (ser. A/B) No. 53; Minquiers and Ecrehos Case (Fr. v. Gr. Brit.), 1953 I.C.J. (Nov. 17); Case concerning Sovereignty over Pulau Ligitan and Pulau Sipadan (Indon. v. Malay.), 2002 I.C.J. (Dec.17), tại www.icj-cij.org/docket/files/102/7714.pdf (truy cập ngày 30 tháng 3, 2012); Case concerning Sovereignty over Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks and South Ledge (Malay. v. Sing.), 2008 I.C.J. (May 23), tại <http://www.icj-cij.org/docket/files/130/14492.pdf> (truy cập ngày 30 tháng 3, 2012).

¹² P. MALANCZUK, AKEHURST'S MODERN INTRODUCTION TO INTERNATIONAL LAW 149 (7th ed. 1997).

¹³ Xem Island of Palmas Case, chú thích 9, tr.840; Legal Status of Eastern Greenland, chú thích 10, tr. 46. Tuyên bố trong cả hai vụ đều được khẳng định trong vụ Case concerning Sovereignty over Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, chú thích 10, đoạn 63-69.

Trung Quốc đã phát hiện, đặt tên và quản lý Hoàng Sa và Trường Sa kể từ triều đại Đông Hán (25-220). Tuy nhiên, theo các nghiên cứu của các học giả phương Tây thì không có nguồn dẫn liệu nào chứng minh chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo được nhắc đến.¹⁴

Dưới đây là sáu nhận xét liên quan đến các nguồn Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đầu tiên các nguồn tài liệu này đều là các chuyên khảo, tài liệu địa dư, hoặc các sách hàng hải được chép bởi các nhà địa lý hoặc nhà hàng hải mang tính tư nhân, hoặc là các ghi chép về các chuyến đi của các sứ giả Trung Quốc mô tả các nước bên ngoài Trung Quốc. Dĩ nhiên đây không phải là những ghi chép lịch sử chính thức của các triều đại Trung Quốc. Những tài liệu này bao gồm *Nam Châu Dị Vật Chí* (265-419) của Vạn Chấn và *Phù Nam truyện* của Khang Thái được viết vào thời Tam Quốc (220-280), *Dị Vật Chí* của Dương Phù (thời Đông Hán, 25-220), *Lĩnh Ngoại Đại Đáp* của Chu Khứ Phi (nhà Tống, 1178), *Chư Phiên Chí* của Triệu Nhữ Quát (nhà Tống 1225), *Đảo Di Chí Lược* của Uông Đại Uyên (nhà Nguyên, 1349), *Đông Tây Dương Khảo* của Trương Nhiếp (1618), *Vũ Bị Chí* (ghi lại cuộc hành trình của Trịnh Hòa trong thời gian 1405-1433 đi từ Trung Quốc qua Ấn Độ Dương tới Phi Châu) của Mao Nguyên Nghi (1628), *Hải Quốc văn kiến lục* của Trần Luân Quýnh (1730 - nhà Thanh), *Hải lục* của Vương Bình Nam (1820), *Hải Quốc đồ chí* của Ngụy Nguyên (1841-1852) và cuối cùng là *Doanh Hoàn Chí Lược* của Từ Kế Dư (1848). Các tài liệu này có đề cập đến “đá nam châm” và các “dị vật” trong biển nhưng không có bất cứ sự mô tả hay chỉ dẫn chính xác nào về khoảng cách đến bờ biển. Các tác phẩm này không đưa ra cơ sở khoa học vững chắc để kết luận rằng những địa điểm được đề cập trong các tác phẩm này là Trường Sa và Hoàng Sa hoặc Trung Quốc đã sở hữu những địa điểm này hơn 2000 năm.

Thứ hai, những cái tên như Cửu Nhữ Loa Châu, Vạn Lý Thạch Đường, Vạn Lý Trường Sa, Thiên Lý Trường Sa, Thất Châu Dương và Thất Châu Sơn được sử dụng theo nhiều cách khác nhau khiến các nhà nghiên cứu nước ngoài rất khó để theo dõi.¹⁵ Các tác giả Trung Quốc không chỉ rõ vị trí và tên của các đảo. Điều này dẫn đến vô số cách dịch khác nhau và các bất đồng giữa các học giả về sự thống nhất tên gọi của các đảo. Trích dẫn những tên gọi mơ hồ này không thể chứng minh chủ quyền của Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Hai cái tên Tây Sa và Nam Sa đã không tồn tại cho đến đầu thế kỉ hai mươi. Năm 1935, cái tên Nam Sa được dùng để chỉ bãi Macclesfield (Trung Sa) và chỉ được sử dụng để chỉ Trường Sa từ năm 1947.¹⁶

¹⁴ Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr. 58-64; Samuels, chú thích 6, tr 23-24. Trong đó ghi: “Một số lượng lớn các tác phẩm và tài liệu lịch sử cũng như tài liệu khảo cổ học chứng minh chắc chắn rằng Trung Sa và Nam Sa là lãnh thổ của Trung Quốc từ đời xưa.”

¹⁵ Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr. 60.

¹⁶ Nguyễn Quang Ngọc, Tư liệu lịch sử về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam (Historical documents on the Paracels and Spratlys Islands of Vietnam), BDHD01 32-50 (2001).

Thứ ba, việc mô tả những bãi cát đó gắn liền với các nước “man di” phía Tây Nam, đã khẳng định mạnh mẽ những lãnh thổ ngoại quốc trên không thuộc về Trung Quốc. Chương Khái quát chung (trang 24) trong *Địa lý Giáo khoa thư* được biên soạn năm 1905 và xuất bản năm 1906, có viết lãnh thổ Trung Quốc “phía nam bắt đầu là vĩ độ 18°13’ Bắc, lầy bờ biển Châu Nhai đảo Quỳnh Châu (tức đảo Hải Nam) làm điểm nút”. Trong một số sách lịch sử Trung Quốc, Hoàng Sa được thừa nhận thuộc về Việt Nam. *Hải lục* viết: “Vạn Lý Trường Sa là đất nổi giữa biển, dài vài ngàn dặm, là phen đậu của An Nam.”¹⁷

Thứ tư, không có bằng chứng thuyết phục về việc Trung Quốc thực hiện quản lý nhà nước đối với các quần đảo này.¹⁸ Trong thời kì hai nghìn năm cho đến năm 1909, chỉ có bốn sự kiện được các tác giả Trung Quốc trích dẫn để chứng minh việc quản lý nhà nước của Trung Quốc.¹⁹ Tuy nhiên, cận cảnh các yêu sách này lại vẽ nên một bức tranh khác. Bốn sự kiện trên đều xảy ra xung quanh đảo Hải Nam. Không có bằng chứng hay bất cứ một cái tên nào liên quan đến Hoàng Sa. Khoảng thời gian một đến hai nghìn năm giữa bốn sự kiện trên không chứng minh được Trung Quốc thực hiện quản lý nhà nước liên tục, không gián đoạn. Trong khi các ghi chép và sách chính thức của Trung Quốc thừa nhận rằng biên giới biển của Trung Quốc là đảo Hải Nam thì sự tồn tại của các đội tuần tra hàng hải ngoài ranh giới đó chỉ có thể coi là suy đoán.²⁰ Thêm vào đó, những hành động mang tính cá nhân của các nhà hàng hải và ngư dân, nếu có, không tạo nên danh nghĩa chủ quyền cho quốc gia của họ.

Thứ năm, trong một số vụ việc từ thế kỷ mười chín, hành xử của chính quyền Trung Quốc cho thấy họ không có bất cứ yêu sách nào đối với Hoàng Sa. Trong các tài liệu lưu trữ của Pháp, tai nạn đắm tàu “Bellona” của Nhật và tàu “Imegi Maru” của Nhật ở Hoàng Sa vào năm 1895-1896,²¹ đã có những tác động bất lợi đến quan điểm của Trung Quốc. Tàu

¹⁷ Xem Hải Quốc Đồ Chí tập 13, folio 4, tr 2, viết năm 22 vua Đạo Quang (Dasquang) nhà Thanh (1730), Tư liệu của Bộ Ngoại giao Pháp (AS 1840 China 797).

¹⁸ Samuels, chú thích 6, tr. 25. Trong đó ghi: “Giữa thế kỉ 19, bản đồ về Biển Đông đã công phu hơn nhưng hiếm khi đề cập đến các đảo tại khu vực này... Không có bằng chứng về việc nhà Thanh đã sát nhập những đảo này vào lãnh thổ của mình.”

¹⁹ Bao gồm Vũ Kinh Tổng Yếu (lời tựa của King Song Renzong 1023-1063) miêu tả nhà Tống phái hải quân tuần tra Cửu Nhũ Loa Châu; Nguyên Thị (1349) ghi chép các quan sát thiên văn “ngoài Chu Nha” (vd phía Nam đảo Hải Nam); Bấy chuyện hải hành Trinh Hòa tại Phi Châu dưới thời nhà Minh (1405-1433); Tuyên Châu Phủ chí viết về chuyến tuần tra của Tổng kỳ Ngô Thăng (1710) qua Đồng Cổ, Thất Dương Châu, Tứ Canh Sa. Vượt qua Biển Đông trong vòng gần 30 năm, đôi lúc có dừng lại ở Hoàng Sa nhưng Trịnh Hòa không chiếm đóng bất cứ đảo nào. Xem Jianming Shen, *International Law Rules and Historical Evidences Supporting China's Title to the South China Sea Islands*, 21 HASTINGS INT'L & COMP. L. REV. (1997-1998). Về quan điểm của Việt Nam, xem Sách trắng Việt Nam 1988, chú thích 7; Chemillier-Gendreau, chú thích 6; Luu, chú thích 6, tr. 24.

²⁰ Trong cuốn GEOGRAPHY OF GUANGDONG xuất bản năm 1909, Lí Hán Trung mô tả chính xác hơn: “Ngày nay, ranh giới biển về phía nam là đảo Hải Nam, vượt qua ranh giới này là Thất Dương Châu. Đồ đạc ra lệnh cho hải quân Quảng Đông dừng đội tuần tra tại đó và quay trở lại căn cứ của mình.”. Xem Luu, chú thích 6.

²¹ Sự kiện này được ghi trong Công hàm ngày 6 tháng 5 của Chính phủ Đông Dương (Bộ Các vấn đề chính trị và nội bộ). Lời văn cụ thể như sau: “Các quan đã phản kháng, cho rằng các đảo Paracels và các đảo đã bị từ bỏ, không thuộc Trung Quốc cũng như không thuộc An Nam, rằng chúng không được sát nhập về hành chính vào bất kỳ quận nào của Hải Nam, và không một chính quyền đặc biệt nào chịu trách nhiệm cảnh sát chúng”. Xem

“Bellona” và tàu “Imegi Maru” chuyên chở đồng được các công ty Anh bảo hiểm, ngư dân Trung Quốc đã cướp bóc số đồng này. Bộ trưởng Anh tại Bắc Kinh và Lãnh sự ở Hội Hòa đã yêu cầu quan chức ở Hải Nam tiến hành các biện pháp đề phòng nhằm ngăn chặn nạn cướp bóc và bán lại số đồng đã bị cướp. Chính phủ Trung Quốc đã phủ nhận trách nhiệm của mình. Tổng trấn Quảng Đông đã phản kháng lại Bộ trưởng Anh tại Bắc Kinh bằng cách khẳng định rằng: “Hoàng Sa là các đảo vô chủ, không thuộc Trung Quốc cũng không thuộc An Nam, rằng chúng không được sát nhập hành chính vào bất kỳ quận nào của Hải Nam và không có chính quyền đặc biệt nào chịu trách nhiệm kiểm soát nó.”²²

Khi phân tích lời văn trên, không ai còn có thể nghi ngờ rằng chính quyền sở tại Trung Quốc đã trút bỏ mọi ý định đòi chủ quyền trên các đảo. Các sự kiện này khẳng định sự dửng dưng của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa thậm chí là trong những năm cuối thế kỷ 19. Cuốn *Phủ Biên Tạp Lục* và *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* nhắc đến một sự kiện khác trong đó chính quyền Trung Quốc trợ giúp các thủy thủ Việt Nam ở Hoàng Sa. Trong cuốn *Phủ Biên Tạp Lục 1776*, Lê Quý Đôn có ghi như sau:

Hoàng-Sa chính gần phủ Liêm-châu, đảo Hải-Nam, người đi thuyền có lúc gặp thuyền đánh cá Bắc-quốc, hỏi nhau ở trong biển. Tôi đã từng thấy một đạo công văn của quan chính đường huyện Văn-xương, Quỳnh-châu gửi cho Thuận-hóa nói rằng: năm Kiền-long thứ 18 có 10 tên quân dân xã An-vĩnh, đội Cát-liêm, huyện Chương-nghĩa, phủ Quảng-ngãi nước An-nam ngày 7 đến Vạn Lý Trường Sa tìm kiếm các thứ, có 8 tên lên bờ tìm kiếm, chỉ để 2 tên giữ thuyền, giạt vào Thanh-lan cảng, quan ở đấy xét thực đưa trả về nguyên quán. Nguyễn –Phúc – Chu sai cai bạ Thuận-hóa là Thúc-lượng-hầu làm thư trả lời”.²³

Ngoài ra, Trung Quốc đưa ra lập luận rằng Việt Nam đã là chư hầu của mình trước thời kỳ thực dân Pháp, do đó mọi hành động của nhà nước phong kiến Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa đều được thực hiện trên danh nghĩa của Trung Quốc.²⁴ Trên thực tế, chế độ chư hầu của Việt Nam với Trung Quốc chỉ là danh nghĩa còn Việt Nam luôn là một Nhà nước có chủ quyền độc lập.²⁵ Khi Việt Nam ký Hiệp ước bảo hộ, được gọi là Hiệp ước

Số 49 mùng 8 tháng 8, 1899 từ Tsungli Yamen tới Ngài. Bax Ironside tại Bắc Kinh truyền đạt lời văn của Toàn quyền Lưỡng Châu (ví dụ Tổng đốc Quảng Đông). Trong đó viết: “trên dải đại dương rộng lớn, không có bất cứ đội bảo vệ biển nào có trách nhiệm, và làm thế nào chính quyền địa phương có thể bảo vệ mọi điểm trong hàng nghìn hải lý biển?” Xem P. A. LAPICQUE, A PROPOS DES ILES PARACELS 605-616 (1929); Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr. 36-37.

²² Lá thư Số 704 – A – Ex, ngày 20 tháng 3 năm 1930, từ Toàn quyền Đông Dương, Hà Nội tới Bộ trưởng các thuộc địa, Paris. Xem Phụ lục 5, Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr. 166-167.

²³ Lê Quý Đôn, PHỦ BIÊN TẠP LỤC, Quyển II (1994), bản sao. (Nguyễn Phúc Chú đúng hơn là Nguyễn Phúc Khoát vì Nguyễn Phúc Chú đã chết vào ngày đó). Xem Luu, chú thích 6, tr.44-45

²⁴ Gerardo Valero, Spratly Archipelago Dispute: Is the Question of Sovereignty Still Relevant?, 18 MARINE POL’Y 401 (1994).

²⁵ Niên giám chính thức của Chính phủ Trung Quốc bao gồm An Nam, Miến Điện, Xiêm, Lào, Anh, Niu Di Lân, Ý, Tây Ban Nha, Vatican như các nước chư hầu thế kỉ 19. Xem Jean-Pierre Ferrier, Le conflit des iles Paracels et le probleme de la souverainete sur les iles inhabitees, 21 ANNUAIRE FRANCAIS DE DROIT INTERNATIONAL 180-181 (1975); Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr. 76-77.

Patenotre, với Pháp vào ngày 6 tháng 6 năm 1884,²⁶ Trung Quốc đã không đưa ra bất cứ bảo lưu nào về chế độ chư hầu của Việt Nam đối với Trung Quốc. Điều đó cho thấy các vấn đề liên quan đến chủ quyền Việt Nam không phụ thuộc vào Trung Quốc. Luận cứ liên quan tới chế độ chư hầu còn bất lợi đối với Trung Quốc ở chỗ Trung Quốc công nhận sự chiếm hữu của các Vua nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa “thay mặt cho Trung Quốc”, thì Trung Quốc – “nước bảo hộ” đã thừa nhận mình không có bất kỳ hoạt động, cũng như bất kỳ yếu tố nào, cả yếu tố vật chất và tinh thần, đối với các quần đảo Hoàng Sa theo luật pháp quốc tế.²⁷

Cuối cùng, không có bất cứ bằng chứng nào về sự công nhận quốc tế đối với chủ quyền của Trung Quốc tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Sự tồn tại của những hòn đảo nhỏ và nguy hiểm đã được các nhà thám hiểm phương Tây ghi nhận từ thế kỷ 14 và thế kỷ 15 dưới các tên khác nhau như Pulo Pracela, Pracels, Isle Prancel hoặc Paracels.²⁸ Tên gọi Trường Sa được sử dụng lần đầu tiên vào năm 1843.²⁹ Những quần đảo này có thể là vô chủ cho đến thế kỷ XVII.

Hành động mang danh nghĩa nhà nước để thực thi quyền sở hữu Hoàng Sa và Trường Sa lần đầu tiên được ghi lại trong các tài liệu lịch sử chính thức dưới thời nhà Nguyễn đầu thế kỷ XVII, và sau này trong các ghi chép của phương Tây và Trung Quốc.

Những nhận xét liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa dưới đây được rút ra từ những tài liệu của Việt Nam, Trung Quốc và phương Tây về những hành động của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Đầu tiên là những mô tả về các đảo và hành động của nhà nước Việt Nam đối với các đảo này được ghi chép trong các bộ chính sử. Trong số đó, quan trọng nhất là các bộ biên niên sử do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn, bao gồm: *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* (1600-1775) và *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (1865-1882), *Đại Nam Nhất Thống Chí* (1865-1882), *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* (1843-1851), *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú (1821), *Hoàng Việt Địa Dư Chí* (1833), *Việt Sử Cương Giám Khảo Lược* (1876), v.v. Các hoạt động, tổ chức, và thời gian hoạt động các đội Hoàng Sa và Bắc Hải trong quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được mô tả một cách chi tiết và sống động.

²⁶ Xem Hiệp ước Bảo hộ mừng 6 tháng 6, 1884. Điều 1, khổ 2 có ghi: “Pháp sẽ thay mặt An Nam trong mọi quan hệ đối ngoại.” Để biết thêm chi tiết, xem RAOUL ABOR, CONVENTIONS ET TRAITES DE DROIT INTERNATIONAL INTERESSANT L’INDOCHINE (1929); Luu, chú thích 6, tr. 47.

²⁷ Xem Minquiers and Ecrehos Case, chú thích 10 tr. 56.

²⁸ PIERRE-YVES MANGUIN, LES PORTUGAIS SUR LES COTES DU VIETNAM ET DU CAMPA. ETUDE SUR LES ROUTES MARITIMES ET LES RELATIONS COMMERCIALES, D’APRES LES SOURCES PORTUGAISES (16e, 17e, 18e siecle) (1972). Xem thêm Pierre-Yves Manguin, La traversee de la mer de chine meridionale, des detroits a Canton, jusqu’au XVIIe siecle (La question des iles Paracels), ASIE DE SUD-EST CONTINENTALE-ACTES DU XXIXE CONGRES INTERNATIONAL DES ORIENTALISTES 110-115 (1976); GUNTER SCHILDER, AUSTRALIA UNVEILED: THE SHARE OF THE DUTCH NAVIGATORS IN THE DISCOVERY OF AUSTRALIA 278 Map N 18 (1976).

²⁹ Geoffrey Marston, Abandonment of Territorial Claims: The Cases of Bouvet and Spratly Islands, 57 BRIT. Y.B. INT’L. 350 (1986).

Trong các tài liệu trước đó như *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn, hay *Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư*, 1686, bản đồ Việt Nam do Đỗ Bá, tên chữ là Công Đạo biên soạn, cung cấp những ghi chép có giá trị về sự xuất hiện của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải trong suốt thế kỉ 17. *Toàn tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư* ghi rõ trong lời chú giải bản đồ vùng Phủ Quảng Ngãi, xứ Quảng Nam, Hoàng Sa là "một bãi cát dài giữa biển, tục gọi Bãi Cát Vàng". Tác phẩm này có ghi:

“Giữa biển có một dải cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài độ 400 dặm,³⁰ rộng 20 dặm, dựng đứng giữa biển, từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vĩnh. Một lần có gió Tây Nam thì thương thuyền các nước đi ở phía trong trôi dạt ở đấy, có gió Đông Bắc thì thương thuyền chạy ở ngoài cũng trôi dạt ở đấy, đều cùng chết đuối cả, hàng hóa thì đều để ở nơi đó... Họ Nguyễn mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến lấy hàng hóa, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn...”³¹

Đại Nam Thực Lục Tiền Biên 1844 (1600-1775) có ghi:

“Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi, ở ngoài biển, có hơn một trăm ba mươi bãi cát, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trống canh, kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn Lý Hoàng Sa, trên bãi có giếng nước ngọt. Sản vật có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vich...”

Hồi đầu dựng nước, đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hằng năm đến tháng 3 đi thuyền ra đảo, độ ba ngày đêm thì đến, thu lượm hóa vật, đến tháng 8 trở về nộp. Lại có đội Bắc Hải, mộ dân ở phường Tư Chính, ở Bình Thuận hoặc xã Cảnh Dương sung vào, được lệnh đi thuyền ra các vùng Bắc Hải, Côn Lôn, thu lượm hóa vật. Đội này cũng do đội Hoàng Sa kiêm quản”.³²

Ngoài các bộ chính sử, các nguồn tài liệu của Việt Nam liên quan đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa còn bao gồm các châu bản (các sắc chỉ với bút tích, ý chỉ, chữ ký của vua bằng mực đỏ và con dấu), tài liệu địa dư và bản đồ, gia phả, bộ sưu tập của các bài hát dân gian, và tập quán. Tất cả những nguồn tài liệu này được bảo tồn cho đến ngày nay ở đảo Lý Sơn, căn cứ hải quân chính của đội Hoàng Sa. Tại Viện Ngôn ngữ Hán-Nôm có thể tìm thấy hàng tá bản tấu của Bộ Hộ, Bộ Công và các cơ quan khác của các nhà vua về việc thực thi chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa dưới triều Nguyễn. Vua Minh Mạng đã phê chuẩn bản tấu của Bộ Công ngày 12-2-1836 (Niên hiệu Minh Mạng thứ 17) và ra lệnh cho Suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật “đưa binh thuyền đi, chuẩn bị, mang theo 10

³⁰ Lý và dặm là đơn vị đo truyền thống. 1 dặm (hoặc lý) tương đương với 500 mét

³¹ Xem Bộ Ngoại giao Việt Nam, *The Hoang Sa And Truong Sa Archipelagoes Vietnamese Territories 9-11* (1981) (Sách trắng Bộ Ngoại giao Việt Nam 1981). Xem bản đồ, Sách trắng Việt Nam 1981, tr 19 (*Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư*, 1686), http://www.google.co.kr/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=1&ved=0CCQQFjAA&url=http%3A%2F%2Fngghien.cuubiendong.vn%2Ftrung-tam-du-lieu-bien-dong%2Fdoc_download%2F157-the-hoang-sa-and-truong-sa-archipelagoes-vietnamese-territories&ei=MMuCT7zKNNM7mmAXQneT1Bw&usg=AFQjCNHC_qmPrwFCXAE1YBwtsXiZwITzg&sig2=x5QhiW8R-fdeMyiXQkOAJg (last visited on Mar. 30, 2012).

³² Sdd. tr11.

cái bài gỗ, đến nơi dựng lên làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc,³³ mặt bài khắc chữ “Năm Minh Mạng thứ 17, năm Bính Thân, suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ”.³⁴ Sự kiện này được ghi chép trong cuốn *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, quyển số 165. Hoặc Bản tấu của phủ Quảng Ngãi ngày 19 tháng 7 (Niên hiệu Minh Mạng thứ 19) năm 1838 xin miễn thuế năm nay cho hai chiếc thuyền đã đưa dân binh đến Hoàng Sa đo đạc giáp vòng từ hạ tuần tháng 3 tới hạ tuần tháng 6.³⁵

Bản Tấu của Bộ Công ngày 28/12/1847 viết: "Hàng năm, vào mùa xuân theo lệ phái binh thuyền vãng thám Hoàng Sa thuộc hải cương nước nhà cho thành thực đường đi lối lại. Năm 1845 có Chỉ đình hoãn kỳ vãng thám 1846. Vì công vụ bận rộn, năm nay cũng xin được đình hoãn. Châu phê: "Đình hoãn".³⁶

Gia phả của họ Đặng và họ Phạm ở đảo Lý Sơn được gìn giữ cẩn thận có ghi những tay bơi trẻ khỏe được ra lệnh gia nhập đội Hoàng Sa. Sau khi nghiên cứu những tài liệu này, Monique Chemillier Gendreau đã rút ra kết luận như sau: “Chúng đã làm sáng tỏ rằng các vị vua Việt Nam đã theo đuổi nhiệm vụ tổ chức các đội hàng hải (như đã đề cập trong biên sử 1776) khai thác biển tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Những biện pháp này đã tạo thành một phần chính sách quốc gia với một mối quan tâm về lợi ích biển.”³⁷

Thứ hai, những cái tên như Bãi Cát Vàng, Vạn Lý Hoàng Sa, Vạn Lý Trường Sa đều chỉ một khu vực bao gồm các đảo khác nhau của Hoàng Sa và Trường Sa.³⁸ Trước đây, các nhà hàng hải và ngư dân chỉ biết đây là một khu vực rộng lớn nằm ở giữa Biển Đông với nhiều đảo chìm rất nguy hiểm cho tàu bè và không có sự phân biệt giữa Hoàng Sa và Trường Sa. *Đại Nam Nhất Thống Chí*, quyển 6, về xứ Quảng Nghĩa có ghi:

Đảo Hoàng Sa ở phía đông Cù Lao Ré, huyện Bình Sơn. Từ bờ biển Sa Kỳ ra khơi thuận gió, ba bốn ngày đêm có thể đến. Ở đó có đến hơn một trăm ba mươi đảo nhỏ, cách nhau khoảng một ngày đường hoặc vài trống canh. Trong đảo có bãi cát vàng, liên tiếp kéo dài không biết mấy ngàn dặm tục gọi là Vạn Lý Trường Sa.³⁹

³³ Tấc và thước là đơn vị đo trong triều đại phong kiến Việt Nam

³⁴ Tuyên tập châu bản triều Minh Mạng, tập 64, tr. 143, lưu giữ tại Viện Hán Trung, Hà Nội, Việt Nam.

³⁵ Sđd. tr. 146

³⁶ Năm thứ 7 của triều Thiệu Trị. Trong tập châu bản Thiệu Trị, tr.235

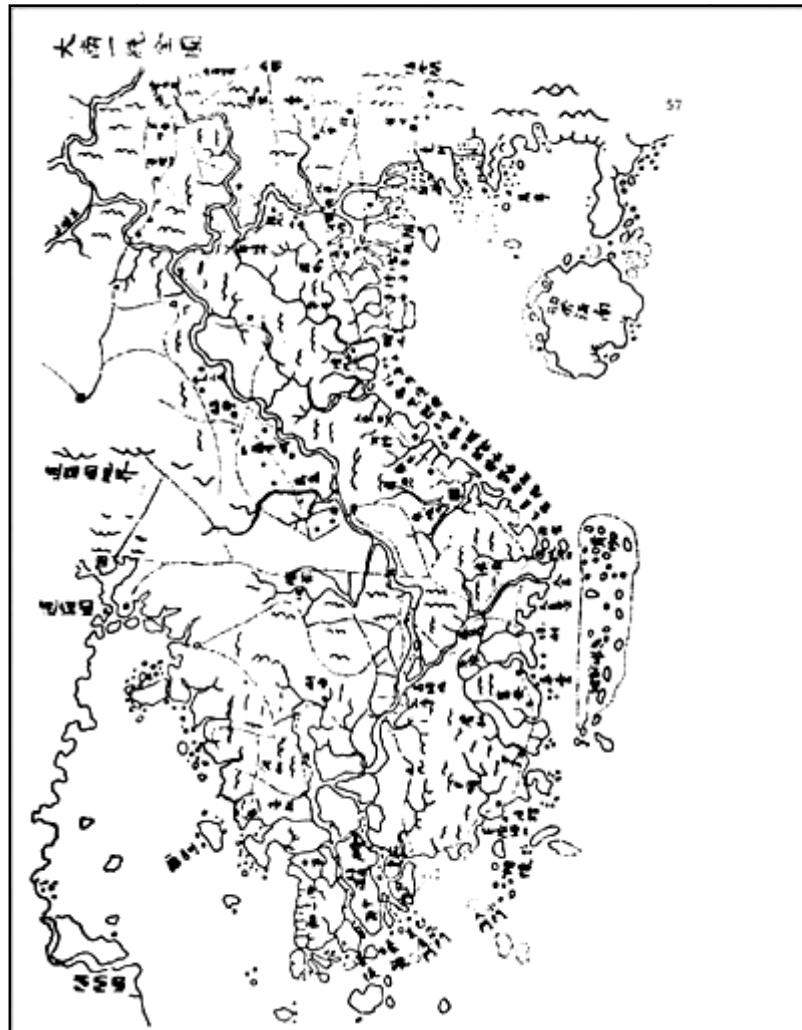
³⁷ Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr. 76.

³⁸ Ủy ban Biên giới Quốc gia, Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa*, xuất bản ngày 30 tháng 1, 2012, tại

<http://www.biengioilanhtho.gov.vn/Media/bbg/News/Archives/vie/chu%20quyen%20tren%202%20quan%20dao%20Hoang%20Sa%20-%20Truong%20sa.pdf> (truy cập ngày 30 tháng 3, 2012).

³⁹ Lưu, chú thích 6, tr. 35.

Bản đồ 1: Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ năm 1838



Nguồn: Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ, sách trắng Bộ Ngoại giao Việt Nam 1981, Quần đảo Hoàng Sa Trường Sa chủ quyền Việt Nam, tr.19. Xem thêm tại <http://biengioilanhtho.gov.vn/eng/Album.aspx> (truy cập ngày 1 tháng 4, 2012).

Tên gọi Hoàng Sa (Cát Vàng), Vạn Lý Trường Sa cũng được sử dụng trong các bài viết nước ngoài. Bài viết *Ký ức về Địa lý xứ Cochichina* (Memoir on the Geography of Cochi-china) đăng tạp chí của Hội Châu Á Băng-gan (Journal of the Asiatic Society of Bengal) vào tháng 9/1938 của giám mục người Pháp J.L Taberd có mô tả “Pracel hay Paracels” là một phần lãnh thổ của xứ Đông Dương.⁴⁰ Ông chỉ ra rằng người xứ Đông Dương gọi Paracels (Hoàng Sa) là “Cát Vàng”.⁴¹ *An Nam Đại Quốc Họa Đồ* của giám mục Taberb xuất bản năm 1838 đã mô tả Hoàng Sa và có ghi chú “Paracels seu Cát Vàng” (Paracel hay Cát Vàng).⁴² Trong cuốn *Thế giới, Lịch sử và Mô tả các Dân tộc, Tôn giáo, Phong tục, Tập quán của họ: Nhật, Đông Dương và Xeylan* (The Universe, History and

⁴⁰ Jean-Louis Taberd, Note on the Geography of Cochinchina, 6 J. ASIATIC SOC'Y BENGAL 737-745 (1837).

⁴¹ Sđd.

⁴² Đính trong cuốn Từ điển Latinh-Việt Nam 1938. Xem Luu, chú thích 6, tr. 98.

Description of All Peoples, Their Religions, Customs and Habits: Japan, Indochina, Ceylon, etc.), Dubois de Jancigny cũng đề cập đến tên gọi Kat Vàng (Paracels). Gutzlaff, một tác giả người Anh, trong bài *Địa lý xứ Đông Dương* (Geography of Cochinchina) đăng trong tạp chí Hội địa lý Luân Đôn (Geographical Society of London) năm 1849 cũng gọi Paracels là Kat Vàng. *Lịch Đại Dư Địa Đồ Mục Lục* của tác giả người Trung Quốc Nghi Đô Dương thống kê các bản đồ Trung Quốc từ thời lập nước đến nhà Minh, mảnh bản đồ vẽ khu vực Từ Di tiếp liền tỉnh Quảng Đông còn ghi rõ chú thích địa danh “Hoàng Sa Chủ” (Bãi Hoàng Sa).⁴³

Sau này, dưới triều Nguyễn, để rõ ràng hơn, mỗi quần đảo có một tên riêng. Paracels được giữ tên cho Hoàng Sa còn Spratlys là Trường Sa. Trong tấm bản đồ *Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ*, xuất bản năm 1838, mỗi quần đảo có một tên gọi riêng: Vạn Lý Trường Sa và Hoàng Sa. Tuy nhiên, chúng vẫn còn được coi là một; trên bản đồ, cả hai quần đảo đều được khoanh lại trong một vòng tròn vẽ đứt đoạn. Về mặt quản lý hành chính, các tài liệu cổ xưa thường xuyên đề cập đến một đội gọi là Bắc Hải, là một phần của đội Hoàng Sa có nhiệm vụ khai thác các đảo ở phía Nam và trong khu vực Côn Đảo.⁴⁴ Địa danh và khu vực hoạt động của đội Bắc Hải phù hợp với khu vực Trường Sa.⁴⁵ Ngày nay, số đảo, đá, bãi nổi của hai quần đảo ước tính có khoảng một trăm ba mươi.

Sự không chính xác của kỹ thuật hải đồ Việt Nam tại thời kỳ đó chúng ta có thể gặp trong các bản đồ của Bồ Đào Nha và Hà Lan. Các quần đảo này được thể hiện bởi một loạt các điểm dọc theo bờ biển Việt Nam. Khó có thể phân biệt quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. Các điểm này thường thể hiện các bãi ngầm nguy hiểm mà tàu thuyền nên tránh. Chúng ta có thể tìm thấy các điểm này trong một số bản đồ hàng hải của phương Tây trong đó mô tả quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một quần đảo thống nhất nằm ở phía đông của lục địa Việt Nam, ví dụ như:

- Bản đồ của Bartholomeu Velho (1560) và bản đồ khuyết danh trong cuốn *Livro da Marinharia* của FM Finto trong cuốn *Peragrinacao* (Những chặng đường du hành) mô tả con đường hàng hải từ Malacca đến Macao đi qua quần đảo Hoàng Sa được gọi dưới tên Pulo Pracela và được biết đến như hàng chuỗi đá ngầm rất nguy hiểm cho hàng hải.⁴⁶
- Bản đồ biển Nam Trung Hoa (*Sinensis Oceanus*) do nhà hàng hải nổi tiếng người Hà Lan Henricus Van Langren vẽ năm 1595, trên đó Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện dưới dạng một nhóm đảo hình lá cờ đuôi nheo ngoài khơi miền Trung Việt Nam, bên ngoài các đảo ven bờ với chú thích “Isle Pracel” và “Costa de Pracel” cho bờ biển đối diện với chúng”.⁴⁷

⁴³ Nguyễn, chú thích 15. Tr.38

⁴⁴ Xem Lê Quý Đôn, chú thích 22; Luu, chú thích 6, tr.39; Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr. 72.

⁴⁵ Ngư dân Việt Nam và Trung Quốc thời đó đặt tên Trường Sa là Bắc Hải để chỉ vùng biển phía bắc của tỉnh Hà Tiên và gần đảo Côn Đảo. Tham khảo thêm, xem Viện bảo tàng Quảng Đông, Tây Sa cổ vật, tr. 11, trích dẫn Shuilubo (Sách về đường thủy của ngư dân từ đảo Hải Nam) mô tả 29 đường vận chuyển tới Đông Hải (Paracel) và 11 đường tới Bắc Hải (Nam Sa).

⁴⁶ Manguin, chú thích 27.

⁴⁷ Schilder, chú thích 27.

- Bản đồ của công ty Đông Ấn (*Indiae Orientalis Nova De scriptio*) vẽ 1633. Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện dưới dạng một nhóm đảo ngoài khơi với đảo lớn nhất được đặt tên *Pracels*.
- Bản đồ hàng hải của Hà Lan vào thế kỷ XVII và XVIII có mã số Ge D 8893, Ge B 220 tại Thư viện quốc gia Pháp.
- Bản đồ *A New Chart of the China Sea with Its Several Entrances* do Nhà xuất bản Luân Đôn in năm 1791 chứng tỏ sự khác biệt giữa bản đồ hàng hải này với những bản đồ trình bày quần đảo Hoàng Sa theo *Dự thảo Hàng Hải chỉ nam của xứ An Nam* (*Draft of Cochinchina Pilot*) năm 1764.⁴⁸
- *An Nam Đại Quốc Họa đồ* được J.L.Taberd phác họa và được J.Sylvetre xuất bản vào năm 1838.

Tiến bộ khoa học và hàng hải sau này cho phép phân biệt rõ hai quần đảo này. Cuộc khảo sát của Kergariou-Lochmaria, lần đầu tiên trong lịch sử hàng hải đã phân biệt rõ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa về phía nam.⁴⁹ Thứ ba, các nguồn tài liệu trên đều cung cấp bằng chứng về ý muốn chiếm hữu và các hành xử chủ quyền khẳng định Bãi Cát Vàng thuộc về Việt Nam. Sách *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* viết: “Xứ Hoàng Sa thuộc cương vực mặt biển nước ta rất là hiểm yếu ...” Sách *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* cũng khẳng định: “Hoàng Sa là một phần lãnh thổ không thể tách rời và có tầm quan trọng chiến lược”.⁵⁰ Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* quyển số 6 viết về tỉnh Quảng Nghĩa: “phía Đông, có đảo Hoàng Sa liền với biển xanh làm hào che”. Thêm vào đó, các ghi chép lịch sử và sách địa lý khác có các đoạn viết và bản đồ khẳng định Hoàng Sa là một phần của Quảng Ngãi như trong sách *Sử Học Bi Khảo* do Đặng Xuân Bảng viết, *Địa Dư Toát Yếu, Quang Thuấn Đạo Sử Tập, Trung Kỳ Địa Dư Lược, Quảng Ngãi Tỉnh Chi*.

Thứ tư, các hoạt động của nhà nước Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa luôn đầy đủ, liên tục, hòa bình và không bị các bên phản đối. Có năm dạng hoạt động được triển khai như sau:

1. Tổ chức khai thác một cách có hệ thống các đảo;
2. Tổ chức công tác khảo sát đo đạc nhằm hiểu biết rõ các đảo và các tuyến đường biển nhằm kiểm tra kiểm soát đường biển;
3. Xây dựng các đền thờ và miếu, trồng cây thể hiện chủ quyền trên đảo;
4. Tổ chức thu thuế tại địa phương và trao đổi thương mại với các quốc gia khác;

⁴⁸ Nguyễn Hồng Thao, Sang xứ bờ tốt tìm bài đồ Hoàng Sa, VIETNAMNET (3/4/2009)

⁴⁹ Tài liệu lưu trữ quốc gia Pháp, tháng 3 số B. 4/276, tr.161, 203. Xem Chemillier-Gendreau, chú thích 6, tr.57. Nguyễn Hồng Thao, LE VIETNAM ET SES DIFFERENDS MARITIMES DANS LA MER DE BIEN DONG (MER DE CHINE MERIDIONALE) 212 (2004)

⁵⁰ LONG TE VO, LES ARCHIPELS DE HOANG SA ET DE TRUONG SA SELON LES ANCIENS OUVRAGES VIETNAMIENS D'HISTOIRE ET DE GE, OGRAPHIE (1974); Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 71.

5. Cứu trợ cho các tàu bè nước ngoài gặp nạn.

Các ghi chép về các hoạt động nói trên được thể hiện đó là dưới triều Nguyễn đã thành lập hải đội Hoàng Sa và Bắc Hải. Hàng năm, từ tháng ba đến tháng tám, các hải đội này được cử đến Hoàng Sa và Trường Sa thu lượm các đồ từ tàu bị chìm (như là bạc, bát sứ và súng đồng).

Việc thành lập một đơn vị quân đội khai thác các đảo cho thấy các triều đại phong kiến Việt Nam (các vua chúa Nguyễn và triều đại Tây Sơn) có ý định rõ ràng xác lập chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Hoạt động của hai hải đội Hoàng Sa và Bắc Hải được thực hiện hàng năm dưới sự quản lý của nhà nước. Thậm chí dưới triều đại Tây Sơn, hải đội này vẫn được duy trì hoạt động trong giai đoạn có nội chiến.⁵¹ Các chiến binh của hải đội Hoàng Sa và Bắc Hải được miễn thuế cá nhân và được thưởng tiền. Ngược lại những ai không hoàn thành công việc sẽ đã bị phạt tùy theo mức độ thất bại của công việc.⁵²

Trong những năm đầu lên ngôi, vua Gia Long đã chú ý đến việc vẽ bản đồ lãnh thổ. *Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên* và các ghi chép lịch sử khác đã hỗ trợ cho việc vẽ bản đồ này. Năm 1985, vua Gia Long đã ra lệnh cho Phạm Quang Ảnh thuộc hải đội Hoàng Sa “đến Hoàng Sa để nghiên cứu và vẽ các tuyến đường biển”. Vào năm Bính Tý, triều đại Gia Long thứ 15 (năm 1816), nhà vua ra lệnh cho hải quân và hải đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để nghiên cứu và đo chiều dài các tuyến đường biển. Chương trình này đã được tiếp tục thực hiện bởi vua Minh Mạng. Hướng dẫn chi tiết được ghi trong bản đồ. *Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên* đã ghi chép lại hướng dẫn năm 1836 như sau:

Tất cả phải được ghi chép và miêu tả chi tiết để nộp cho nhà vua. Phàm khi thuyền đến nơi, không cứ là đảo nào, bãi nào, tức là chiếu chỗ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng chu vi và nước biển bốn bên xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở bình dị thế nào, phải xem xét, đo đạc kỹ càng, vẽ thành bản đồ.⁵³

Các miếu thờ và bia mốc chủ quyền được dựng lên và cây cối được trồng thể hiện chủ quyền. Các hoạt động này thể hiện hành xử chủ quyền quốc gia đối với vùng lãnh thổ tuyên bố chủ quyền phù hợp với yêu cầu của luật quốc tế (các yếu tố về ý định và thực tế và các hành động liên tục). *Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên* viết:

Trong tháng thứ 8, vào mùa thu của năm Quý Ty, năm thứ 14 của triều đại Minh Mạng (1833)...nhà vua nói với Bộ Công: Dải Hoàng Sa trong hải phận Quảng Nghĩa, xa trông trời nước một màu không phân biệt được nông hay sâu.

⁵¹ Xem Sắc Lệnh của Chúa Tây Sơn ký năm 1786: “chi huy Hồi Đức Hầu của hải đội Hoàng Sa đưa bốn tàu đến Hoàng Sa để thu nhặt tất cả các đồ bằng vàng, bạc đồng và các loại súng ngắn và nhỏ và đôi mồi, các loại cá quý”. Bản viết tay sắc lệnh của vua dưới triều đại Tây Sơn, lưu tại Học viện Trung Quốc – Việt Nam. Xem trích dẫn Lưu Văn Lợi số 6, trang 97.

⁵² Bản ghi chép của Bộ Công vào ngày 13 tháng bảy năm 1837 (vào năm thứ 18 đời Vua Minh Mạng) đã ghi chép trường hợp của thủy thủ Phạm Văn Biên, Vũ Văn Hưng, Phạm Văn Sinh đã bị phạt 80 doi do chậm trễ xuất phát. Chi huy Trương Việt Soái trong chuyến hành trình năm 1836 đã không trở lại cùng với bản đồ nên đã bị phạt tù trung thân. Xem *Viện Lịch sử Quốc gia*, 165:2 *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (Sách ghi chép về nước Đại Nam ngày nay, 1865-1882), Tập 165, phần. 2 (1848).

⁵³ *Viện Lịch sử Quốc gia*, như trên.

Gần đây, thuyền buôn thường bị nạn. Nay nên dự bị thuyền bè đến sang năm sẽ phái người tới dựng miếu, lập bia lại trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối tươi xanh, người dễ nhận biết, có thể tránh được nhiều mắc cạn. Đó là việc lợi ích muôn đời vậy.... Vào cuối năm (1836), Bộ Công báo cáo:.... Xứ Hoàng Sa thuộc cương vực mặt biển nước ta rất là hiểm yếu, từng sai vẽ bản đồ nhưng vì tình thế xa rộng, nên mới chỉ vẽ được một nơi, lại cũng chưa biết nên làm thế nào. Xem từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, phái thủy quân, biển binh và giám thành đáp một chiếc thuyền ô nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Nghĩa, giao cho hai tỉnh Quảng Nghĩa và Bình Định thuê bốn chiếc thuyền của dân hướng dẫn ra xứ Hoàng Sa... Nhà Vua đã phê chuẩn tờ trình ra lệnh cho Suất Đội (chỉ huy) hải quân, Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi, chuẩn bị, mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi dựng lên làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc,⁵⁴ mặt bài khắc chữ ‘Năm Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân, suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ’.⁵⁵

Vào năm 1849, một người Anh tên là J.Gutzlaff viết về hoạt động thu thuế và bảo vệ ngư dân của vua Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa như sau:

Chúng ta đã không nên đề cập đến quần đảo Hoàng Sa (Cát vàng) ở gần bờ biển An Nam khoảng 15-20 dặm và nằm trong vĩ độ 15-17 Bắc và kinh độ 111-113 Đông, nếu như Vua xứ Cochinchina đã không đòi hỏi quần đảo ấy là của mình với nhiều đảo và ghềnh rất nguy hiểm cho người đi biển... Từ lâu đời, nhiều thuyền từ đảo Hải Nam tới đã hàng năm đến thăm các bãi nổi này và tiếp tục hành trình của mình tới biển Borneo... Chính phủ An Nam thấy có thể thu lợi nếu một ngạch thuế được đặt ra, bèn lập ra những trung thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế tất cả khách viếng thăm và bảo trợ ngư dân của họ.⁵⁶

Hoạt động cứu trợ của Nhà Nguyễn cho các tàu thuyền nước ngoài tại những khu vực nguy hiểm cũng đã được ghi chép lại. Ít nhất có hai trường hợp đã được ghi chép lại đó là trường hợp các tàu của Hà Lan: tàu Gootebrok, bị chìm năm 1634 tại vùng biển của quần đảo Hoàng Sa và ba tàu Hà Lan đi từ Nhật Bản đến Batavia vào năm 1714 gần quần đảo Hoàng Sa bị gặp bão.⁵⁷ Tàu của Tuần phủ Đà Nẵng ghi năm thứ 11 triều đại Minh Mạng (1830) cho biết về hoạt động cứu trợ tàu buôn của Pháp bị chìm tại Hoàng Sa.⁵⁸ *Quốc Triều Chinh Biên Toát Yếu* (Biên niên sử Triều Đại Quốc gia) vào năm 1836 ghi nhận, một tàu buôn của Anh bị chìm gần quần đảo Hoàng Sa. Hơn 90 thủy thủ từ tàu này đã cố gắng bơi

⁵⁴ Tấc và thước là đơn vị đo trong triều đại phong kiến Việt Nam

⁵⁵ Như trên.

⁵⁶ J.Gutzlaff, *Geography of the Cochinchinese Empire*, 19 J. GEOGRAPHICAL SOC'Y LONDON 93-94 (1849).

⁵⁷ Lưu Văn Lợi, tài liệu đã trích dẫn bên trên số 5, trang 43.

⁵⁸ Xem tài liệu lưu trữ tại Viện Hán Nôm, Việt Nam với mã VN/CT 1 Han, M M 11/27 (MM Q43/57), VN/ CT 3 Han, MM 11/27.6 (MM 43/59).

được vào bờ biển Bình Định.⁵⁹ Trong tất cả các trường hợp, các Chúa và Vua của triều Nguyễn đều giúp cho họ chỗ ở, tiền và thực phẩm trước khi quay về nước.

Thứ năm, các hành xử chủ quyền của Nhà nước Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng được ghi chép trong nhiều tác phẩm do các học giả nước ngoài viết, bao gồm cả các công trình nghiên cứu của Trung Quốc. J.B. Chaigneau, Cố vấn của Vua Gia Long đã viết hồi ký của mình như sau:

Nam Kỳ, thuộc quyền cai quản của Hoàng đế, bao gồm vùng đất chính của Nam Kỳ, Đông Kinh, một phần của vương quốc Campuchia, một số đảo không người ở không xa bờ biển và quần đảo Hoàng Sa, do những đảo nhỏ, ghềnh và đá không có dân cư hợp thành. Chỉ đến năm 1816, Hoàng đế mới chiếm hữu quần đảo này.⁶⁰

Bản *Trích yếu Địa lý* của Ý viết bởi Adriano Balbi vào năm 1850 (trang 641) miêu tả Vương Quốc An Nam và các lãnh thổ liên quan là quần đảo Hoàng Sa, các đảo Pirates và Puolo Condor. Trong phần về địa lý Trung Quốc viết cùng một cuốn sách, không có phần nào đề cập đến Hoàng Sa và Trường Sa.

Thích Đại Sán, một vị cao tăng dưới triều đại Khang Hy, đã viết trong cuốn *Hải Ngoại Ký Sự* (Tập III) như sau:

Các bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm, chẳng biết bao nhiêu mà kể, được gọi là “Vạn Lý Trường Sa”, mù tít chẳng thấy có cây cối, nhà cửa. Các tàu thuyền bị trái gió trái nước tấp vào đáy dầu không tan nát cũng không gao, không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quãng ấy cách Đại Việt bảy ngày đường, chừng bảy trăm dặm. Các Quốc vương thời trước hàng năm sai thuyền đi đánh cá, đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc, khí cụ của các tàu thuyền hư hỏng dạt vào đấy.⁶¹

Các sự kiện này được lấy từ các tài liệu lịch sử và các ghi chép của nhiều tác giả nước ngoài khác nhau, thể hiện rằng Chúa Nguyễn và các Vua của Việt Nam trong giai đoạn trước thuộc địa, có lợi ích cụ thể tại các quần đảo này và thực hiện các hoạt động chủ quyền tại đó khi không có một quốc gia nào khác thể hiện ý định chiếm các đảo này.

Việc tạo dựng chủ quyền và quản lý hành chính của các Chúa và Vua Nguyễn tại Hoàng Sa và Trường Sa có đủ hai yếu tố, ý định và thực tế, theo như yêu cầu về chiếm hữu đối với lãnh thổ vô chủ của luật pháp quốc tế.⁶²

⁵⁹ Xem Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, tập 3, số 104a, lưu trữ tại Viện Hán-Nôm, Hà Nội.

⁶⁰ Le Me, moire sur la Cochichine de Jean Baptiste Chaigneau par Salles A, dans Bulletin des Amis du vieux Hue No. 3 Avril/Juin 1923, trang 25-83.

⁶¹ See SHI DA SHAN, HAIWAI JISHI (Record of Events of Overseas) 62 (2000); Record of Events of Overseas, vol. 3, sheets 23b & 24b, The Tokyo Bunko - Oriental Library [日本東洋文庫].

⁶² Địa vị pháp lý của Đảo Eastern Greenland Case, tài liệu đã trích dẫn bên trên số 10, trang 45. Tài liệu viết: “Một yêu sách chủ quyền không chỉ dựa trên một vài hành động đặc biệt hay danh nghĩa như là một hiệp ước hay chuyển nhượng mà

Việt Nam là chủ sở hữu của các quần đảo đó trước khi người Pháp đến. Heizing đã nhận xét:

Nếu như thông tin lịch sử do Sài Gòn cung cấp là chính xác, chúng ta có thể chấp nhận với tư cách một quốc gia, Việt Nam dường như đang thể hiện có lợi ích rõ ràng tại quần đảo Hoàng Sa vào thời điểm trước khi Trung Quốc thể hiện.⁶³

B. Từ đầu thế kỷ 20 cho đến khi kết thúc Chiến tranh Thế giới lần thứ II

Luật quốc tế về thụ đắc lãnh thổ đã thay đổi mạnh mẽ. Có hai nguyên tắc bắt buộc liên quan đến việc chiếm hữu thực tế được quy định trong Định ước Berlin năm 1885. Lúc đầu chúng chỉ được áp dụng cho các vùng đất thuộc Châu Phi sau đó trở thành nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế để định hướng cho các giải pháp về tranh chấp lãnh thổ. Các nguyên tắc này đã được củng cố và phát triển bởi nhiều vụ việc liên quan đến thụ đắc lãnh thổ đối với các đảo không có người ở.⁶⁴ Với lãnh thổ vô chủ, các nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ là chiếm hữu thực tế, không gián đoạn và hòa bình, cũng như là phải chính thức có thông báo việc chiếm đóng và quyền của các bên yêu sách cho các bên khác thông qua kênh ngoại giao. Đối với lãnh thổ bị bỏ rơi (*terra res derelictio*), quốc gia có yêu sách mới cũng sẽ phải chiếm hữu hiệu quả vùng đất này thông qua hoạt động chiếm hữu liên tục, hòa bình và có sự từ bỏ danh nghĩa chủ quyền chính thức của quốc gia sở hữu lãnh thổ trước đó.⁶⁵ Lãnh thổ cũng có thể chiếm hữu được thông qua cách chuyển nhượng từ quốc gia này cho quốc gia khác thông qua một thỏa thuận quốc tế. Việc sử dụng vũ lực để chiếm hữu lãnh thổ bị cấm trong Hiến chương Liên Hợp Quốc và các quy định khác của luật pháp quốc tế. Trong giai đoạn sau chiến tranh lạnh, quyền dân tộc tự quyết được công nhận trong luật pháp quốc tế. Tất cả các hành động sử dụng vũ lực hay đàn áp đối với các dân tộc phụ thuộc đều phải chấm dứt để họ có thể thực hiện một cách tự do, hòa bình quyền của mình nhằm giành độc lập trọn vẹn và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia sẽ được tôn trọng.⁶⁶ Bất cứ nỗ lực nào nhằm cản trở một phần hay toàn bộ sự thống nhất quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là không tuân thủ theo các mục tiêu và các nguyên tắc được quy định trong Hiến chương.⁶⁷

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc sự quản lý của các triều đại Việt Nam kể từ ít nhất là thế kỷ 17. Danh nghĩa chủ quyền đối với các đảo này đã được củng cố và duy trì trong nhiều thế kỷ trước khi người Pháp đến.

chỉ dựa vào việc thể hiện hành xử chủ quyền bao gồm hai nhân tố phải cùng tồn tại: ý định và mong muốn thực hiện chủ quyền và một số hành động thực tế của hành xử chủ quyền quốc gia.”

⁶³ DIETER HEINZIG, DISPUTES ISLANDS IN THE SOUTH CHINA SEA 25 (1976).

⁶⁴ MALCOLM SHAW, INTERNATIONAL LAW 502-507 (6th ed. 2008).

⁶⁵ IAN BROWNLIE, PRINCIPLES OF PUBLIC INTERNATIONAL LAW 138-139 (5th ed.1998).

⁶⁶ G.A. Res. 1514(XV) □4, U.N. Doc. A/L.323 and Add.1-6 (Dec. 14, 1960) titled, Declaration on the Granting of Independence to Colonial Countries and Peoples, available at <http://daccess-dds-ny.un.org/doc/RESOLUTION/GEN/NR0/152/88/IMG/NR015288.pdf?OpenElement> (truy cập lần cuối vào ngày 30 tháng 3 năm 2012).

⁶⁷ Như trên.

Chính quyền Pháp thuộc tại Đông Dương chịu trách nhiệm quan hệ đối ngoại thay mặt Nhà nước phong kiến Việt Nam,⁶⁸ công nhận kế thừa quốc gia đối với quần đảo Hoàng Sa từ Nhà nước phong kiến Việt Nam.⁶⁹ Chính quyền thuộc địa đã triển khai nhiều hoạt động củng cố danh nghĩa chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa như: cấp giấy phép cho các công ty tư nhân khai thác các đảo này vào năm 1898; chuẩn bị xây các cây đèn biển vào năm 1899;⁷⁰ và cử các đoàn tuần tra và nghiên cứu khoa học biển từ năm 1925 đến 1927. Nhiều nghị định hành chính đã được chính quyền Pháp thuộc ban hành quản lý quần đảo Hoàng Sa. Tại Nghị định số 156-SC ban hành ngày 15/6/1932, Toàn quyền Đông Dương đã thành lập một đơn vị hành chính trên quần đảo Hoàng Sa với tên là “Delegation des Paracels” và sáp nhập các đảo này vào tỉnh Thừa Thiên. Nghị định tiếp theo đó ngày 5/5/1939, Toàn quyền Đông Dương đã chia quần đảo thành 2 nhóm đó là: “Nhóm Lưỡi Liềm” và “Nhóm An Vĩnh”. Mặc dù bị mất độc lập, Việt Nam vẫn tận dụng tất cả các cơ hội để khẳng định quyền dân tộc tự quyết của mình. Thân Trọng Huề, Thương thư Bộ Binh của Triều đình An Nam, trong bức thư ký ngày 3/3/1925 nói: “Các đảo nhỏ này luôn thuộc An Nam, không có gì phải tranh cãi chuyện này”.⁷¹ Ngày 30/3/1938, Nhà Vua Bảo Đại ra sắc lệnh khẳng định việc sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên. Một đơn vị cảnh sát thường xuyên đóng quân ở đây. Một sắc lệnh mới do vua Bảo Đại ký, tặng Huy chương Long tinh cho đơn vị và các sỹ quan đóng quân trên quần đảo Hoàng Sa là bằng chứng thêm về Việt Nam hành xử chủ quyền trên các đảo này.⁷²

Trong bối cảnh này, đoàn thuyền khảo sát do Đô đốc Lý Chuẩn thực hiện vào năm 1909 được xem như là vi phạm vào danh nghĩa chủ quyền đã được xác lập chắc chắn của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Theo như tài liệu tham khảo của Trung Quốc,⁷³ hai tàu chiến của Trung Quốc đã thám hiểm một số đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa vào ngày 6/6/1909; họ đã có một số hành động tượng trưng (cắm cờ, bắn đại bác) để thể hiện chủ quyền “lãnh thổ không thể xâm phạm của Trung Quốc” và quay lại Quảng Châu vào ngày 7/6/1909. Phân tích kỹ tài liệu tham khảo này sẽ thấy đoàn khảo sát năm 1909 được xem như thực hiện sứ mệnh phát hiện các đảo bằng các hành động tượng trưng này. Hành động này không thể là bằng chứng cho lập luận rằng Trung Quốc đã sở hữu quần đảo từ thời các triều đại Tống, Minh hay Hán. Làm sao Trung Quốc có thể “phát hiện” ra lãnh thổ mà chính mình trước đó đã sở hữu? Các quốc gia xa xôi khác không thuộc khu vực Biển Đông như là

⁶⁸ Patenote Treaty, tài liệu đã trích dẫn số 25.

⁶⁹ Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 108. Công điện ngày 4 tháng 7 năm 1931 của Tổng Đốc Đông Dương Mr. Pasquier viết: “Annam đã có quyền kể từ thế kỷ thứ XVIII. Do đó Pháp chỉ cần đơn giản là thực hiện quyền chủ quyền đã tồn tại trước đó.”

⁷⁰ Năm 1898, cá nhân, Mr. Chabrier, đã yêu cầu xin phép xây dựng một cơ sở trên Hoàng Sa để làm nơi trú ẩn cho ngư dân. Tháng 6 năm 1899, Tổng đốc Đông Dương P. Doumer đã yêu cầu Paris cho xây một hải đăng tại Hoàng Sa. Nhưng kế hoạch đã thất bại không có ngân sách. Xem Công hàm từ Bộ Ngoại giao gửi Bộ trưởng Bộ Biển, Paris (14 tháng 1 năm 1921), lưu trữ tại Bộ Ngoại giao Cộng hòa Pháp, AS 18-40, NS Trung Quốc, tài liệu 312, trang 16-18. Xem Lapique, tài liệu đã trích dẫn số 20, trang 610.

⁷¹ Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 108.

⁷² To quoc, Them mot Chau ban khang dinh chu quyen Hoang Sa (A new found imperial ordinance to reconfirm the sovereignty over the Paracels), HNSV NEWS (Dec. 25, 2009), available at <http://news.hnsv.com/viet-nam/them-mot-chau-ban-khang-dinh-chu-quyen-hoang-sa-28924/> (truy cập lần cuối ngày 30 tháng 3 năm 2012).

⁷³ Xem báo Nhân dân (ngày 25 tháng 11 năm 1975)

Bồ Đào Nha, Anh và Pháp có một loạt tài liệu và bản đồ ghi chép các hoạt động quản lý hành chính của nhà nước phong kiến An Nam trên các đảo này. Lập luận rằng Trung Quốc, quốc gia láng giềng của Việt Nam không biết về các hành động này là không thuyết phục. Nếu như năm 1909 được chọn làm thời điểm kết tinh tranh chấp đối với tranh chấp trên quần đảo Hoàng Sa, những bằng chứng chính thức này của mỗi bên yêu sách sẽ phải được xem xét kỹ lưỡng bởi tòa án quốc tế.

Quần đảo Trường Sa được Pháp coi là lãnh thổ vô chủ (*terra nullius*). Trên cơ sở này, Pháp đã cử các tàu hải quân đến chiếm đóng các đảo vào năm 1930 và 1933. Với Sắc lệnh vào ngày 26/7/1933, chính quyền Pháp đã tuyên bố việc chiếm đóng quần đảo Trường Sa đối với toàn thế giới.⁷⁴ Hơn thế nữa, vào tháng 12 năm 1993, Thống đốc Nam Kỳ, Ông J. Krautheimer đã ký Nghị định số 4762-CP để sáp nhập Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa nằm dưới sự cai quản của chính quyền Nam Kỳ.⁷⁵ Chỉ duy nhất có phản đối của Nhật Bản được ghi nhận trong lưu trữ.⁷⁶ Trước khi Pháp chiếm đóng Trường Sa, Trung Quốc đã có thái độ hoàn toàn thờ ơ đối với Trường Sa. Báo cáo của Chính phủ Trung Quốc công bố tại Quảng Châu năm 1928, Công hàm của Phái đoàn Ngoại giao Trung Quốc tại Pháp đề ngày 29/9/1932 vẫn khẳng định: “Nhóm An Vĩnh và Nhóm Lưỡi Liềm thuộc quần đảo Hoàng Sa tạo thành phần lãnh thổ tận cùng của Trung Quốc ở phía Nam”.⁷⁷ Các tranh chấp về mặt pháp lý đối với quần đảo Trường Sa có lẽ là phức tạp hơn nếu như chính quyền Pháp vẫn giữ yêu sách chủ quyền đối với Trường Sa cho mình. Tuy nhiên, điều này đã không xảy ra. Bằng Hiệp ước Hạ Long ký tháng 3 năm 1949, Pháp chính thức chuyển giao chủ quyền cho Nam Kỳ (Cochinchina, thuộc địa của Pháp), bao gồm quần đảo Trường Sa được Pháp chiếm đóng và yêu sách chủ quyền kể từ năm 1933, cho chính quyền Bảo Đại.⁷⁸ Dù cho quyền đối với quần đảo này của Nhà nước phong kiến Việt Nam có bị mất hay từ bỏ, việc chiếm đóng thực tế của chính quyền Pháp đối với Trường Sa đã củng cố thêm quyền lịch sử của Nhà nước phong kiến Việt Nam.

Hiệp ước Hòa bình San Francisco ký năm 1951 cũng ủng hộ lập luận của Việt Nam. Theo Điều 2, đoạn (f) của Hiệp ước, Nhật Bản từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa chủ quyền và yêu sách đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ông A. Gromyko, Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô trong hội nghị San Francisco đã đề xuất chuyển quyền quản lý các đảo này cho Trung Quốc (Trung Quốc vắng mặt tại hội nghị), tuy nhiên đề xuất này đã bị từ chối bởi 48 phiếu chống trên 51 phiếu. Căn cứ trên các văn bản của Tuyên bố Postdam và Tuyên bố Cairo, Điều 2 đoạn (f), liên quan đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được tách biệt hoàn toàn khỏi các khoản mục đề cập đến lãnh thổ được trả lại cho Trung Quốc. Nội dung của Tuyên bố Cairo năm 1943 phân loại lãnh thổ mà Nhật Bản phải từ bỏ tất cả quyền, danh

⁷⁴ JOURNAL OFFICIEL DE LA REPUBLIQUE FRANCAISE No. 26, 7837 (1933).

⁷⁵ Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 111 & 225 (phụ lục 30).

⁷⁶ Note du Service juridique du Ministère des affaires étrangères pour la Direction d'Asie-Océanie, le 6 Septembre 1946; Archives du Ministère des affaires étrangères de la République Française, AS 44-55, Dossier 213, trang 16.

⁷⁷ Nguyễn, tài liệu đã trích dẫn số 48, trang 232.

⁷⁸ Như trên, trang 242.

nghĩa chủ quyền và yêu sách làm ba loại: các đảo Thái Bình Dương, các vùng lãnh thổ thuộc Trung Quốc, và các vùng lãnh thổ khác được chiếm giữ bằng vũ lực. Tuyên bố cam kết “loại bỏ Nhật Bản ra khỏi các đảo Thái Bình Dương...trả lại cho Cộng hòa Trung Hoa tất cả các lãnh thổ như là Mãn Châu Lý, Bành Hồ và Đài Loan do Nhật Bản đã cướp của Trung Quốc và loại bỏ Nhật Bản ra khỏi các vùng lãnh thổ khác mà nước này đã chiếm đóng bằng vũ lực”.⁷⁹ Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không được đề cập như là lãnh thổ của Trung Quốc trong các hội nghị Cairo, Postdam và San Francisco. Rõ ràng đây là các lãnh thổ Nhật Bản đã chiếm bằng vũ lực và chúng nên được hoàn lại cho chủ cũ. Tuy nhiên, các hội nghị quốc tế này thậm chí còn không đề xuất Trung Quốc có chủ quyền đối với hai quần đảo này. Sự im lặng của Cộng hòa Trung Hoa (ROC) tại Hội nghị Cairo và Hội nghị Postdam về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tạo thành bằng chứng chứng minh sự thờ ơ của Trung Quốc với các đảo này.⁸⁰ Mặt khác, tại Hội nghị San Francisco năm 1951, Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Trần Văn Hữu của chính phủ Quốc gia Việt Nam đã trình trọng tuyên bố rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.⁸¹ Tuyên bố này không gặp phải bất cứ phản đối nào của các phái đoàn tham gia hội nghị. Khi Nhật Bản từ bỏ Hoàng Sa và Trường Sa, rõ ràng hành động này có lợi cho Việt Nam vì Việt Nam đã xác lập được chủ quyền trên hai quần đảo này từ lâu đời trước khi Pháp đến đô hộ Việt Nam và trước Chiến tranh Thế giới lần thứ II. Điều này cũng đúng trong trường hợp quần đảo Trường Sa, vì trước Chiến tranh Thế giới lần II Nhật Bản là nước duy nhất tranh cãi về chủ quyền của Trường Sa với Pháp.

Các lập luận do các học giả Trung Quốc đưa ra là Công ước Pháp – Thanh ngày 26/6/1887⁸² đặt Hoàng Sa và Trường Sa thuộc vào Trung Quốc do nằm vào phía Đông của kinh tuyến 108 độ Đông là không đúng vì Công ước đó không áp dụng cho các đảo ngoài Vịnh Bắc Bộ. Hơn thế nữa, Công ước này đã được thay thế khi Trung Quốc và Việt Nam ký Hiệp định Phân định các Vùng nước Lãnh hải, Đặc quyền Kinh tế và Thềm lục địa tại Vịnh Bắc Bộ vào ngày 25/12/2000.⁸³

⁷⁹ Xem Tuyên bố Cairo năm 1943, có tại <http://avalon.law.yale.edu/wwii/cairo.asp> (truy cập lần cuối ngày 30 tháng 3 năm 2012).

⁸⁰ Xem Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 5, trang 120; Nguyễn, tài liệu đã trích dẫn số 48, trang 242-244.

⁸¹ Xem LE MONDE (Sept. 9-10, 1951).

⁸² Xem thêm Công hàm của Phái đoàn Ngoại giao Cộng hòa Trung Hoa (“ROC”) tại Pháp đề ngày 29 tháng 9 năm 1932. Nguyễn, tài liệu đã trích dẫn ở trên số 48, trang 232. Nhân dân Nhật báo Bắc Kinh số 3 tháng 7 năm 1956, các học giả Trung Quốc cho rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm phía đông của biên giới theo như Hiệp định Pháp – Thanh ngày 26 tháng 6 năm 1887, nói cách khác, 108 độ 03’13” Đông do đó thuộc vào khu vực quản lý của Trung Quốc. Trên thực tế, nội dung hiệp ước Pháp-Thanh 26 tháng 6 năm 1887 viết: đường biên giới nam-bắc chạy qua điểm phía đông của đảo Trà Khẩu hay Trà Cỏ hình thành đường biên giới cũng được thuộc vào địa phận của Trung Quốc. Đảo Kao Tao và các đảo khác phía tây đường trung tuyến thuộc địa phận của An Nam”. Mục đích của hiệp ước là định vị các đảo trong vịnh Đông Kinh. Hiệp ước không đề cập đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

⁸³ Zou Keyuan, *The Sino-Vietnamese Agreement on Maritime Boundary Delimitation in the Gulf of Tonkin*, 34 OCEAN DEV. & INTL. L. 22-24 (2005); Hong Thao Nguyen, *Maritime Delimitation and Fishery Cooperation in the Tonkin Gulf*, 34 OCEAN DEV. & INTL. L. 41-44 (2005); Ted McDorman, *People’s Republic of China-Vietnam*, 5 INT’L MAR. BOUNDARIES 3755-3758 (2005).

C. Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II

Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II, Cộng hòa Trung Hoa chiếm phần phía đông của quần đảo Hoàng Sa và Itu Aba (đảo Ba Bình theo tiếng Việt), một đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Cùng thời gian, Pháp và Chính quyền Bảo Đại tái chiếm phần phía tây của Hoàng Sa và một số đảo của Trường Sa. Phần phía đông của Hoàng Sa thuộc quyền quản lý của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa từ năm 1956. Phần phía tây của Hoàng Sa bị Trung Quốc sử dụng vũ lực chiếm vào năm 1974. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chiếm được quyền kiểm soát một số đảo tại Trường Sa lần đầu tiên vào năm 1988 thông qua việc sử dụng vũ lực. Kể từ đó, Trung Quốc đã mở rộng kiểm soát lên đến 9 đảo đá tại khu vực quần đảo Trường Sa. Philippines lần đầu tiên vào năm 1978 chính thức yêu sách chủ quyền với hầu như toàn bộ quần đảo Trường Sa (gọi tên là Nhóm đảo Kalayan – Nhóm đảo Tự do, KIG) theo cách của gọi của Philippines), trừ đảo Trường Sa. Malaysia yêu sách chủ quyền với phần phía nam của quần đảo Trường Sa thông qua việc phát hành các bản đồ vào năm 1979. Trong bối cảnh này, năm 1976, nước Việt Nam thống nhất tiếp tục duy trì quan điểm là danh nghĩa chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa, được củng cố một thời gian dài bởi các Vua và Chúa Nguyễn cũng như là các chính quyền Pháp thuộc và Sài Gòn, chưa bao giờ bị từ bỏ cả. Việt Nam Cộng hòa tiếp nhận danh nghĩa chủ quyền, quyền và các yêu sách từ Pháp đối với các đảo phù hợp với Hiệp định Geneve năm 1954 – Ba Hiệp định về ngừng chiến với Việt Nam, Lào và Campuchia.⁸⁴ Là bên nắm giữ danh nghĩa chủ quyền hợp pháp trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Nam Việt Nam đã thực hiện tổ chức quản lý hành chính, khai thác kinh tế và bảo vệ hiệu quả hai quần đảo này.

Năm 1956, Bộ Kinh tế của Việt Nam Cộng hòa đã cấp phép khai thác phân chim trên đảo Quang Ảnh, Hữu Nhật và Phú Lâm cho Lê Văn Cang. Năm 1959, giấy phép cũng được cấp cho Công ty Phốt-phát Việt Nam đảm nhiệm việc khai thác phân chim cho đến tận năm 1963. Năm 1973, một nghiên cứu chung đã được triển khai bởi Công ty và đối tác Nhật Bản - Tập đoàn Marubeni. Về mặt hành chính, quần đảo Hoàng Sa đã được chuyển từ tỉnh Thừa Thiên sang tỉnh Quảng Nam theo Nghị định số N 174-NV ngày 13 tháng 7 năm 1961. Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã tuần tra thường xuyên tại các vùng nước quanh khu vực các đảo.

Đối với Trường Sa, hải quân Việt Nam Cộng hòa đã đến Trường Sa và dựng bia thể hiện chủ quyền vào ngày 22 tháng 8 năm 1956. Với Nghị định 143/VN ngày 20 tháng 10 năm 1956, quần đảo Trường Sa đã được sáp nhập vào tỉnh Phước Tuy. Từ 11 đến 16/6/1961, các tàu hộ vệ Vân Đồn và Vạn Kiếp (HQ02 và HQ06) đã được điều đến tuần tra các đảo Song Tử Đông, Thị Tứ, Loại Ta và An Bang thuộc quần đảo Trường Sa. Các đơn vị hải quân đến đảo Trường Sa, An Bang, Loại Ta, Thị Tứ, Song Tử Đông, Song Tử Tây, Nam Yết

⁸⁴ Zou Keyuan, *The Sino-Vietnamese Agreement on Maritime Boundary Delimitation in the Gulf of Tonkin*, 34 OCEAN DEV. & INTL. L. 22-24 (2005); Hong Thao Nguyen, *Maritime Delimitation and Fishery Cooperation in the Tonkin Gulf*, 34 OCEAN DEV. & INTL. L. 41-44 (2005); Ted McDorman, *People's Republic of China-Vietnam*, 5 INT'L MAR. BOUNDARIES 3755-3758 (2005).

năm 1962, 1963 và 1964 nhằm mục đích dựng các cột chủ quyền đối với các đảo này. Ngày 6 tháng 9 năm 1973, với Nghị định N 420 – BNV/HCDP/26, chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã sáp nhập quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.⁸⁵

Việc chiếm giữ quần đảo Hoàng Sa bằng vũ lực vào năm 1974 của Trung Quốc là vi phạm các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và không thể tạo ra một danh nghĩa pháp lý cho quần đảo này. Quan điểm này đã được khẳng định chắc chắn nhiều lần trong các Sách Trắng do Bộ Ngoại giao Việt Nam phát hành (cả Việt Nam Cộng hòa và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam),⁸⁶ các Tuyên bố của Chính phủ đối với các vùng biển của Việt Nam và về đường cơ sở vào các năm 1977 và 1982; Nghị quyết 1994 của Quốc hội phê chuẩn UNCLOS và các phát biểu chính thức của lãnh đạo Việt Nam. Ví dụ, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã tái khẳng định trước Quốc hội vào ngày 25/11/2011 rằng: “Chúng ta có đầy đủ bằng chứng lịch sử và pháp lý để khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam. Chúng ta đã kiểm soát hai quần đảo này ít nhất từ thế kỷ 17, khi chưa có một quốc gia nào yêu sách chủ quyền đối với hai quần đảo này”.⁸⁷ Hiện nay, Việt Nam kiểm soát hơn 20 đảo, bãi cát, đá thuộc quần đảo Trường Sa.

Trung Quốc giữ quan điểm rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của mình và Việt Nam đã hơn một lần công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo này.⁸⁸ Yêu sách này dựa trên bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi Thủ tướng Chu Ân Lai năm 1958 liên quan đến chiều rộng của các vùng lãnh hải của Trung Quốc, Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phản kháng việc Chính phủ Mỹ ấn định khu vực chiến đấu của lực lượng vũ trang Mỹ năm 1965, và phát biểu của Thứ trưởng Ngoại giao Ung Văn Khiêm vào năm 1956. Dựa vào các bằng chứng này, Trung Quốc tuyên bố rằng Việt Nam đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁸⁹ Chúng tôi sẽ không xem xét phát biểu của ông Ung Văn Khiêm bởi vì không có bằng chứng trung lập. Ông Ung Văn Khiêm không có quyền hạn công nhận hay từ bỏ lãnh thổ. Bài phát biểu, nếu tồn tại, không diễn ra trong bối cảnh đàm phán về lãnh thổ. Hai tài liệu khác phải được xem xét trong bối cảnh Việt Nam bị chia cắt trong giai đoạn 1954 – 1975 cùng với mối quan hệ cực kỳ gắn bó giữa hai nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Trung Quốc “vừa là đồng chí vừa là anh em”.⁹⁰

⁸⁵ Vụ Thông tin và Báo chí, Bộ Ngoại giao Việt Nam, chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa (1979) [Sách trắng Việt Nam 1979]; Sách trắng Việt Nam 1981, tài liệu đã trích dẫn số 30; Sách trắng Việt Nam 1988, tài liệu đã trích dẫn số 7.

⁸⁶ Như trên

⁸⁷ Ban Biên Tập, Vietnamese PM Nguyen Tan Dung’s explanatory report at 2nd session of 13th NA, (Dec. 5, 2011), available at <http://nguyentandung.us/vietnamese-pm-nguyen-tan-dung-s-explanatory-report-at-2nd-session-of-13th-na.html> (last visited on Mar.30, 2012).

⁸⁸ Su Hao, China’s Positions and Interests in the South China Sea: A Rational Choices in its Cooperative Policies (CSIS, 2006), available at <http://csis.org/publication/chinas-positions-and-interests-south-china-sea-rational-choices-its-cooperative-policies> (last visited on Mar.30, 2012).

⁸⁹ Austin, tài liệu đã trích dẫn số 6 trang 126-130. Xem tài liệu Bộ Ngoại giao Trung Quốc và các tài liệu khác liên quan đến việc Chính phủ công nhận Tây Sa và Nam Sa thuộc lãnh thổ của Trung Quốc (1980).

⁹⁰ Luu, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 75-78.

Ngày 4/9/1958, bị đe dọa bởi Hạm đội 7 của Hải quân Mỹ trong khu vực eo biển Đài Loan, Trung Quốc thông báo tuyên bố mở rộng chiều rộng lãnh hải ra 12 hải lý. Tuyên bố này áp dụng cho cả Trung Quốc đại lục và tất cả các đảo thuộc Trung Quốc bao gồm Tây Sa, Nam Sa.⁹¹ Ngày 14/9/1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi thư cho Thủ tướng Chu Ân Lai: “Chúng tôi xin trân trọng báo tin để đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản Tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc”. Trong Sách Trắng năm 1979, Bộ Ngoại giao Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tuyên bố rằng cách hiểu của Trung Quốc về bức thư ngày 14/9/1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng là công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là xuyên tạc, khi mà mục đích và hàm ý của công hàm chỉ nhằm công nhận chiều dài lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc.⁹² Liệu sự im lặng về tình trạng của Hoàng Sa và Trường Sa trong bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng có được coi như là sự ngầm công nhận đối với chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo này? Liệu nó có ảnh hưởng pháp lý nào nhằm loại bỏ Việt Nam không còn quyền đòi hỏi chủ quyền trong tương lai? Câu trả lời là “không”.⁹³

Một hành động đơn phương sẽ tạo ra hậu quả pháp lý bắt buộc cho quốc gia thực hiện nếu như hành động đơn phương này được thực hiện trong phạm vi giới hạn của thẩm quyền quốc gia, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế và không trái đối với các nguyên tắc *jus cogens* (các nguyên tắc bắt buộc không được vi phạm) của luật quốc tế. Mục đích thật sự của quốc gia khi có tuyên bố đơn phương nên được diễn giải một cách cẩn trọng. Các hạn chế sự độc lập của các quốc gia do vậy không thể suy diễn.⁹⁴ Tòa Án Công lý Quốc tế (ICJ) trong vụ Thử vũ khí hạt nhân (Nuclear Tests Case) đã nhắc lại lập luận: “Một khi các quốc gia đã ra các tuyên bố hạn chế sự tự do hành động trong tương lai của họ thì một sự giải thích hạn chế là cần thiết”.⁹⁵ Qua thực tiễn hoạt động của các quốc gia và các phán quyết của Tòa,⁹⁶ Ủy ban Luật pháp Quốc tế (ILC) đã có hướng dẫn xác định các hành động đơn phương và hiệu lực pháp lý của chúng.⁹⁷ Theo như ILC, để xác định các ảnh hưởng pháp lý của các tuyên bố đơn phương, cần thiết phải xem xét nội dung, hoàn cảnh thực tế

⁹¹ Xem tuyên bố Lãnh hải của Trung Quốc, 1:28 PEKING REV. 21 (Sept. 9, 1958).

⁹² Vietnam White Paper 1979.

⁹³ Xem thêm giải thích chính thức, Sách Trắng Việt Nam Vietnam White Paper 1988, tài liệu đã trích dẫn số 7, trang 20-23.

⁹⁴ The S.S. Lotus Case (Fr. v. Turk.), 1927 P.C.I.J. (Ser. A) No. 10 (Sept. 7) tại http://www.worldcourts.com/pcij/eng/decisions/1927.09.07_lotus.htm (last visited on Mar.30, 2012).

⁹⁵ Nuclear Tests Case (Austl. v. Fr.), 1974 I.C.J. 267, □44; Nuclear Tests Case (N.Z. v. Fr.), 1974 I.C.J. 473, □47.

⁹⁶ Island of Palmas Arbitration (Neth. v. U.S.), 2 Report of International Arbitral Awards (U.N. Ser.) 829, in DAVID HARRIS, CASES AND MATERIALS ON INTERNATIONAL LAW 190 (5th ed.1998); Legal Status of Eastern Greenland Case, supra note 10; Temple at Prear Vihear Case (Cambodia v. Thai.), 1962 I.C.J. 6 (June 15); North Sea Continental Shelf Case (Ger. v. Neth.), 1969 I.C.J. 26, □30 (Feb. 20); Burkina Faso v. Mali (Frontier Dispute), 1986 I.C.J. 574 (Dec. 22); Nuclear Tests Case (Austl. v Fr.), id. at 253-267; Nuclear Tests Case (N. Z. v Fr.), id. 457-473; Application of the Convention on the Prevention and Punishment of the Crime of Genocide Case (Bosn. & Herz. v. Serb. & Montenegro), 1996 I.C.J. 622 (July 11); Pedra Branca/Pulau Batu Puteh Case, supra note 10.

⁹⁷ U.N. International Law Commission, 58th sess. (2006), Guiding Principles Applicable to Unilateral Declarations of States Capable of Creating Legal Obligations, available at http://untreaty.un.org/ilc/texts/instruments/english/draft%20articles/9_9_2006.pdf (truy cập lần cuối ngày 30 tháng 3 năm 2012).

của các tuyên bố đơn phương được đưa ra và các phản ứng mà các tuyên bố này gây ra. Một tuyên bố đơn phương sẽ dẫn đến việc quốc gia tạo ra nó bắt buộc phải thực hiện cam kết này chỉ khi nó được tuyên bố trong các điều khoản cụ thể và rõ ràng. Trong trường hợp có nghi ngờ như là phạm vi trách nhiệm thực hiện từ các tuyên bố này, trách nhiệm thực hiện sẽ chỉ được diễn giải một cách hạn chế. Khi diễn giải nội dung của các dạng nghĩa vụ thực hiện như vậy, việc đầu tiên quan trọng nhất là xem xét nội dung văn bản của tuyên bố cùng với bối cảnh và hoàn cảnh tuyên bố này được đưa ra.⁹⁸

Khi áp dụng các hướng dẫn này, chúng ta có một số đánh giá về nội dung văn bản bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, và hoàn cảnh văn bản này được viết.

Trước tiên, vào thời điểm đó, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không kiểm soát hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Theo Hiệp định Geneve, Việt Nam bị tạm thời chia làm hai khu vực quản lý hành chính với ranh giới là vĩ tuyến 17 trong khi chờ đợi thống nhất thông qua tổng tuyển cử. Trung Quốc là một bên ký Hiệp định Geneve. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm dưới vĩ tuyến 17 thuộc quyền quản lý của Việt Nam Cộng hòa. Vào thời điểm này, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không có danh nghĩa pháp lý *de jure* về chủ quyền cũng như không thực hiện chủ quyền *de facto* trên thực tế trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nó không có quyền từ bỏ đối với lãnh thổ mà nó không sở hữu.⁹⁹ Thậm chí các chính quyền miền Nam Việt Nam, hai chính phủ đối lập, Việt Nam Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập năm 1969, chỉ có quyền quản lý đối với hai quần đảo nhưng không có quyền chuyển nhượng bất cứ phần lãnh thổ nào cho ngoại quốc. Năm 1974, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã phản đối mạnh mẽ việc Trung Quốc sử dụng vũ lực tại Hoàng Sa khi đưa ra tuyên bố 3 điểm.¹⁰⁰

- Chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mọi dân tộc
- Giữa các nước láng giềng có nhiều vụ tranh chấp về vấn đề biên giới lãnh thổ do lịch sử để lại. Các tranh chấp đó có khi rất phức tạp, đòi hỏi được xem xét kỹ càng; và
- Các nước liên quan phải cùng nhau xem xét vấn đề trên tinh thần bình đẳng tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt, và giải quyết vấn đề bằng thương lượng.

Tuyên bố công nhận sự tồn tại của tranh chấp, nhắc lại rằng chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mọi dân tộc và kêu gọi đàm phán. Ngày 14/2/1975, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã công bố sách trắng về các quyền lịch sử và pháp lý của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Phù hợp với nguyên tắc

⁹⁸ Như trên, điều 3 và 7

⁹⁹ Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 130.

¹⁰⁰ Sách trắng Việt Nam 1981, tài liệu đã trích dẫn số 30, trang 139.

tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết được quy định trong luật pháp quốc tế và Hiệp định Geneve, số phận các phần lãnh thổ của Việt Nam phải được định đoạt bởi người dân của đất nước thống nhất. Việt Nam được thống nhất vào năm 1976 và cơ quan đại diện cao nhất của người Việt Nam là Quốc hội đã được bầu vào năm 1976. Việt Nam thống nhất, gọi tên là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam kế thừa lãnh thổ từ Cộng hòa miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyên cử vào năm 1976. Hiến pháp Việt Nam năm 1980 và 1992, Nghị quyết của Quốc hội năm 1994 và Luật về biên giới quốc gia năm 2003 đều tái khẳng định rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một phần của lãnh thổ Việt Nam.

Thứ hai, Hiến pháp Việt Nam năm 1946 và 1957 quy định rằng việc chuyển nhượng lãnh thổ phải được quyết định thông qua trung cầu dân ý. Tuyên bố của thủ tướng Phạm Văn Đồng không có hiệu lực pháp lý để từ bỏ lãnh thổ. Trong trường hợp liên quan đến chủ quyền đối với các đảo Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks, và South Ledge (Malaysia/Singapore) liên quan đến lập luận của Singapore rằng Chính quyền Johor đã công nhận chủ quyền của Singapore đối với các đảo này,¹⁰¹ Tòa án đã có quan điểm không xem xét trả lời của Johor có tính hiến pháp với nghĩa tạo ra tác động pháp lý quyết định đối với Johor.¹⁰² Lời văn trong thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không có bất cứ tính hiến pháp nào đối với lãnh thổ của Nam Việt Nam. Do đó, bức thư này không có hiệu lực pháp lý quyết định đối với số phận của Hoàng Sa và Trường Sa.

Thứ ba, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không bao giờ phủ nhận các yêu sách và các hoạt động khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa của Nam Việt Nam. Nếu như bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc, bước logic tiếp theo sẽ là tuyên bố phủ nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng hòa. Điều này không bao giờ xảy ra, cả trong năm 1956 và năm 1974. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn tiếp tục ủng hộ lập trường của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Thứ tư, tên gọi của văn bản tiếng Trung Quốc năm 1958 là Tuyên bố về lãnh hải của Trung Quốc. Bức thư của thủ tướng Phạm Văn Đồng công nhận và đồng ý quyết định liên quan đến chiều rộng 12 hải lý của lãnh hải Trung Quốc. Bức thư này không chứa đựng bất cứ sự từ bỏ các đảo có lợi cho Trung Quốc. Việc chuyển chủ quyền lãnh thổ từ một quốc gia này cho một quốc gia khác thường được thực hiện thông qua hiệp ước. Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, ngày 2/11/1957, Ủy ban Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam đã gửi thư đến Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề xuất hai Đảng cầm quyền tôn trọng nguyên trạng *status quo* các vấn đề tranh chấp lãnh thổ do lịch sử để lại, và giải quyết tất cả tranh chấp thông qua đàm phán hòa bình vào thời điểm phù hợp. Bức thư tháng 11/1957 viết: “Vấn đề biên giới là một vấn đề quan trọng cần được giải quyết thông qua các nguyên tắc thực định của luật pháp hay do quyết định của hai chính phủ”.¹⁰³

¹⁰¹ Chi tiết, xem S. JAYAKUMAR & T. KOH, PEDRA BRANCA: THE ROAD TO THE WORLD COURT (2009).

¹⁰² Pedra Branca/Pulau Batu Puteh Case, tài liệu đã trích dẫn số 10, trang 227.

¹⁰³ Vu Duong Ninh (ed.), *Biên giới trên đất liền Việt Nam-Trung Quốc [China-Vietnam Land boundary]*, Hanoi (Cong An Nhan Dan ed. 2011).

Vào tháng 4/1958, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có phản ứng tích cực đối với thư của Đảng Lao Động Việt Nam. Vấn đề tranh chấp lãnh thổ do lịch sử để lại được hiểu là chỉ liên quan đến vấn đề biên giới trên bộ; không đề cập đến trường hợp tranh chấp của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong cuộc chiến chống Mỹ cứu nước, hai nước đã đồng ý rằng các tranh chấp của hai nước sẽ được giải quyết trong một thời điểm thích hợp thông qua đàm phán. Thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không nằm trong bối cảnh tranh chấp giữa Hà Nội và Bắc Kinh. ICJ đã phán quyết: “Không gì có thể ngăn cản các bên đạt thỏa thuận bằng con đường thông thường, đó là một thỏa thuận với điều kiện có đi có lại”.¹⁰⁴ Một số tác giả đã so sánh bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng với Tuyên bố Ihlen trong vụ án đảo Greenland.¹⁰⁵ Tuyên bố Ihlen được đưa ra trong bối cảnh tìm kiếm giải pháp cho Greenland và Spitzberg. Tuyên bố Ihlen không phải là “cho không” (“open-handed”). Tuyên bố này công nhận chủ quyền của Đan Mạch đối với Greenland để đổi lại việc Đan Mạch công nhận chủ quyền của Na-uy đối với Spitzberg. Thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không chứa đựng đặc điểm có đi có lại. Do đó rất khó có thể xem xét Thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng như là từ bỏ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thứ năm, trong cuộc chiến, Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào hỗ trợ vật chất từ Trung Quốc. Điều này đã đặt Hà Nội vào thế khó xử. Bức thư chỉ ủng hộ việc áp dụng nguyên tắc 12 hải lý cho chiều rộng lãnh hải. Đây là một hành động thể hiện thiện chí của Bắc Việt Nam ủng hộ Trung Quốc, đang phải đối mặt với nguy cơ bị Mỹ xâm lược khi nước này nỗ lực đưa tàu sân bay vào hoạt động tại eo biển Đài Loan. Việc bảo lưu tình trạng của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không được thể hiện trong bức thư vì Thủ tướng Phạm Văn Đồng không có quyền hạn đối với hai quần đảo này.

Nhà nghiên cứu Monique Chemillier Gendreau đã nhận xét: “Đúng là công hàm của Phạm Văn Đồng chỉ hết sức hạn chế trong ghi nhận và tán thành quyết định về chiều rộng lãnh hải của Trung Quốc. Thật không đúng để khẳng định rằng Việt Nam đã “thừa nhận yêu sách của Trung Quốc” đối với hai quần đảo”.¹⁰⁶ Không bên nào, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hay Việt Nam Cộng hòa công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Vậy liệu thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng có tạo ra hiệu lực của nguyên tắc *estoppel* (nguyên tắc mặc nhiên thừa nhận)? “Anh không thể vừa có chiếc bánh lại vừa ăn hết nó” là nguyên tắc ngăn ngừa các quốc gia có hành động không nhất quán gây tổn hại đến các quốc gia khác.¹⁰⁷ Theo Ian Brownlie, đặc điểm cốt lõi của nguyên tắc *estoppel* là nhân tố hành xử

¹⁰⁴ Burkina Faso v. Mali Case, tài liệu đã trích dẫn số 94, trang 574.

¹⁰⁵ Xem Austin, tài liệu đã trích dẫn số 6 trang 125-130, 149; R. HALLER-TROST, THE CONTESTED MARITIME AND TERRITORIAL BOUNDARIES OF MALAYSIA: AN INTERNATIONAL LAW PERSPECTIVE 321 (1998); Daniel Dzurek, The Spratlys Island Dispute: Who’s on first?, 2 MAR. BRIEFINGS 53 (1996); Jianming Shen, International Law Rules and Historical Evidences Supporting China’s Title to the South China Sea Islands, 21 HASTINGS INT’L & COMP. L. REV. 57 (1997).

¹⁰⁶ Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 129.

¹⁰⁷ Fisheries Case (U. K. v. Nor.), 1951 I.C.J. 116; Temple of Preah Vihear Case, tài liệu đã trích dẫn số 94, trang 6 & 26.

gây tổn hại nghiêm trọng cho bên khác, do họ dựa vào cách hành xử đó để thay đổi quan điểm của mình và phải chịu một số tổn hại.¹⁰⁸ Trong vụ tranh chấp thềm lục địa Biển Bắc, tòa ICJ đã phán quyết: “Bên dựa vào nguyên tắc *estoppel* phải chỉ ra, cùng với một số điều kiện khác, là mình đã có các hành động đặc biệt do dựa vào phát biểu của bên kia”.¹⁰⁹

Bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, đặc biệt là điều kiện cần thiết “vì phát biểu này mà gây tổn hại cho bên khác” của nguyên tắc *estoppel* gây ra cho Trung Quốc. Trước tiên, Trung Quốc không chứng minh được quan điểm của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã bị thay đổi và bị thiệt hại do dựa vào tuyên bố của Bắc Việt Nam. Thứ hai, Trung Quốc đã giữ im lặng đối với tuyên bố của Mỹ liên quan đến khu vực tác chiến của lực lượng vũ trang Mỹ tại Biển Đông vào năm 1965, bao gồm quần đảo Hoàng Sa. Điều này liệu có cho thấy Trung Quốc thờ ơ trong việc bảo vệ yêu sách chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa khi bị nước ngoài xâm lược? Thứ ba, nguyên tắc *estoppel* chỉ được áp dụng cho các hành động của một bên về một vấn đề trong một giai đoạn liên tục trong lịch sử. Trong trường hợp này, nguyên tắc *estoppel* được áp dụng như thế nào cho các tuyên bố của hai chính phủ khác nhau đó là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam? Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì không có thẩm quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước kế tục của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Việt Nam Cộng Hòa và có quyền lựa chọn quyền và nghĩa vụ của bên nào để kế tục. Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa kế quyền và các hành động của Nam Việt Nam, vốn là bên duy nhất có quyền tài phán đối với Hoàng Sa và Trường Sa.¹¹⁰

3. Lập trường của Việt Nam về các vùng biển quanh đảo

Sự phát triển của Luật biển quốc tế làm nảy sinh những vấn đề liên quan đến phân định biển giữa các nước có bờ biển tiếp giáp và các nước có bờ biển đối diện. Nằm ở giữa Biển Đông, Hoàng Sa và Trường Sa ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề phân định biển giữa các đảo xa bờ và lãnh thổ đất liền của các nước ven biển. Điều đó có tác động lớn đến việc mở rộng thềm lục địa, tự do và an ninh hàng hải, và quản lý nguồn tài nguyên. Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển (UNCLOS) đã tạo ra một dạng tranh chấp mới tại Biển Đông. Phân định biển của các đảo xa bờ có mối liên hệ chặt chẽ với việc xác lập chủ quyền đối với các đảo xa bờ và quy chế pháp lý của các vùng biển. Ở phần này, chúng ta sẽ xem xét lập trường của Việt Nam về các vùng biển quanh đảo. Ba câu hỏi sẽ được xem xét: quan điểm của Việt Nam về

¹⁰⁸ Brownlie, tài liệu đã trích dẫn số 63, trang 646.

¹⁰⁹ North Sea Continental Shelf Case, tài liệu đã trích dẫn số 94, trang 30.

¹¹⁰ Chemillier-Gendreau, tài liệu đã trích dẫn số 6, trang 130. Viết: “thực tế là trong thời điểm đặc biệt của sự chia cắt giữa Việt Nam trong lịch sử làm cho vị trí của Việt Nam bị mờ nhạt. Việt Nam thống nhất hiện nay phải quyết định thực thể nào mình kế thừa đối với vấn đề tranh chấp này. Logic của lãnh thổ quy định việc kế thừa quyền và các hành động của Nam Việt Nam, thực thể duy nhất có quyền tài phán xét trên quan điểm địa lý”.

các vùng biển theo UNCLOS; quy chế của các đảo Hoàng Sa và Trường Sa; và các tranh chấp biển liên quan đến các đảo.

A. *Lập trường của Việt Nam về các vùng biển theo UNCLOS*

Sau khi thống nhất, Việt Nam đã tham gia vào Hội nghị Liên Hợp Quốc lần thứ ba về Luật biển năm 1977, và ký UNCLOS vào năm 1982. Với Tuyên bố của Chính phủ về các vùng biển Việt Nam ngày 12/5/1977, Việt Nam đã dẫn đầu khu vực trong việc thiết lập lãnh hải 12 hải lý và vùng đặc quyền kinh tế (ĐQKT) 200 hải lý. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố rõ ràng các nguyên tắc phân định lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng ĐQKT, và thềm lục địa (TLĐ) phù hợp với bản Tài liệu làm việc của UNCLOS. Các Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam về các vùng biển ngày 11/5/1977 và về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam ngày 12/11/1982 đã tạo ra cơ sở pháp lý cơ bản để xây dựng hệ thống luật biển của Việt Nam.

Ngày 23/6/1994, trong kỳ họp thứ 5, Quốc hội Việt Nam Khóa 9 đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn UNCLOS. Nghị quyết đã phản ánh quyết tâm của Việt Nam trong việc xây dựng một trật tự pháp lý đúng đắn và công bằng cho các vùng biển, khuyến khích - phát triển và hợp tác biển. Nghị quyết cũng khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với vùng nội thủy và lãnh hải, quyền chủ quyền, và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng ĐQKT và vùng TLĐ dựa trên các điều khoản của UNCLOS và các nguyên tắc của luật quốc tế.¹¹¹

Tham gia UNCLOS, Việt Nam có quyền có lãnh hải 12 hải lý, vùng ĐQKT 200 hải lý và vùng TLĐ rộng ít nhất 200 hải lý, vùng này có thể mở rộng tới 350 hải lý tính từ đường cơ sở, hoặc 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét. Đối với Hoàng Sa và Trường Sa, đường cơ sở và các vùng biển bao quanh sau này cũng phải xác định phù hợp với UNCLOS. Công ước được coi là một cơ sở pháp lý quốc tế vững vàng cho cuộc đấu tranh bảo vệ biển và thềm lục địa của Việt Nam, cũng như các quyền lợi và lợi ích chính đáng trên biển và chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. UNCLOS là cơ sở pháp lý chung cho việc giải quyết tranh chấp về việc phân định biển giữa Việt Nam và các nước láng giềng, từ đó đóng góp vào việc tạo ra môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển ở Biển Đông của Việt Nam.

¹¹¹ Hong Thao Nguyen & Hai Oanh Nguyen, *The implementation of the 1982 Convention in Vietnam*, 2 PETROVIETNAM 36-44 (2005).

B. Chế độ pháp lý của các đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Vấn đề xác định vùng biển của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa¹¹² đã được đề cập trong Nghị quyết Quốc Hội khóa 9 (phiên họp thứ 5) của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 23/6/1994 về việc phê chuẩn UNCLOS.¹¹³

Do bản chất phức tạp của các tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa, cùng với các cuộc đàm phán đang bỏ ngõ, cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa xác định phạm vi các vùng biển quanh đảo. Đường cơ sở và các vùng biển quanh đảo sẽ được xác định thông qua các văn bản pháp luật trong tương lai, như Luật về các vùng biển Việt Nam, hoặc thông qua các hiệp định về phân định với các bên liên quan.¹¹⁴ Quy chế đảo tại Biển Đông được xác định dựa trên các văn bản chính thức về các vùng biển do Việt Nam ban hành và dựa trên thực tiễn nhưng cũng cần phải tuân theo các điều kiện sau: (1) Quy chế của các đảo xa bờ cần phải phù hợp với UNCLOS; (2) Quy chế của các đảo xa bờ không thể ảnh hưởng tới việc mở rộng tự nhiên thêm lục địa từ lục địa Việt Nam theo như quy định trong UNCLOS; và (3) Các đảo xa bờ không có quy chế tương tự như với đất liền trong phân định biển.

Hoàng Sa và Trường Sa bao gồm nhiều đảo, đá và nhiều bãi nửa nổi nửa chìm, nhưng dữ liệu chính xác về một số thực thể vẫn chưa được cập nhật. Tuy nhiên, đa số cho rằng hầu hết các thực thể đảo đá đó không thể duy trì đời sống của con người. Sự hiện diện thường xuyên của các lực lượng đồn trú trên các đảo chỉ mới có kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II. Định nghĩa không rõ ràng về “đá” theo điều 121 (3) của UNCLOS thường dẫn đến các cách diễn giải khác nhau về quy chế pháp lý của Hoàng Sa và Trường Sa. Những câu hỏi chưa được giải quyết bao gồm: (1) Cần quy định kích thước và độ cao như thế nào để xác định một thực thể là đảo hay đá?; (2) Khi nào một đảo có khả năng thích hợp cho con người đến ở; (3) Trong trường hợp đá không có người ở, nếu dân cư và chính phủ tiến hành các hoạt động xây dựng, cung cấp nước uống và thức ăn, thì liệu có thể coi là đáp ứng các yêu cầu trong điều 121 (3) hay không?; (4) Liên quan đến đá, thế nào là định nghĩa “một đời sống kinh tế riêng”?; (5) Nếu hải đăng, đường băng, trạm khí tượng thủy văn, khu bảo tồn chim, khu bảo tồn môi trường biển, trạm khai thác dầu khí, hoặc các dự án kinh tế khác được xây dựng trên đá, liệu điều đó có được coi là một đời sống kinh tế riêng hay không?; (6) Liệu đảo và đá có cùng một quy chế pháp lý như quy chế của đất liền hay không?; (7) Liệu các đảo và đá có được xem xét như đất liền để có đầy đủ quyền trong lãnh hải, vùng ĐQKT hoặc TLĐ; (8) Hiệu lực đảo và đá trong việc phân định các vùng biển với lục địa?¹¹⁵ Michael Richardson và Phan Thạch Anh nhận định rằng tại Trường Sa, chỉ có

¹¹² Như trên.

¹¹³ Nghị quyết quy định: “Cần thiết phải phân biệt giải quyết tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa với các vấn đề bảo vệ các vùng biển và thêm lục địa theo chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam dựa trên các nguyên tắc và tiêu chuẩn của Công ước Liên Hợp Quốc về luật biển 1982”.

¹¹⁴ Hong Thao Nguyen, *Building a Law on Maritime zones of Vietnam*, 12:144 VIETNAM L.& LEGAL F. 12-18 (2006).

¹¹⁵ Hong Thao Nguyen, *South China Sea-Three stages, Four Challenges, Two Regional Approaches and One Belief*, THE SOUTH CHINA SEA: TOWARDS A REGION OF PEACE, SECURITY AND COOPERATION

đảo Ba Bình (tiếng Anh: Itu Aba/ Trung Quốc: Đảo Thái Bình) thỏa mãn các điều kiện theo Điều 121(3) và có vùng ĐQKT và TLD riêng.¹¹⁶ Dựa vào các hoạt động hiện nay nhằm củng cố quản lý của các bên yêu sách, Tổng Yên Huy nhận định rằng năm đảo và đá có thể có vùng ĐQKT và TLD riêng.¹¹⁷ Các đảo đó là: Đảo Phú Lâm (tiếng Anh: Đảo Woody/ tiếng Trung: Yongxing), Đảo Thị Tứ (tiếng Anh: Thitu/ tiếng Trung: Dao Zhongye/ tiếng Philippines: Pagasa), Đảo Ba Bình (tiếng Anh: Itu Aba/ tiếng Trung: Taiping Dao-đảo Thái Bình), Trường Sa (tiếng Anh: Spratly/ tiếng Trung: Nanwei), Hoa Lau (tiếng Anh: Swallow Reef/ tiếng Trung: Dan Wan Jiao/ tiếng Malaysia: Layang Layang). Mặc dù từng đảo này chỉ có diện tích chưa đến 1 km², nhưng hầu hết các đảo đều có đường băng và các công trình quân sự và dân sự. Ở một số đảo còn có dân cư sinh sống và cơ sở phục vụ ngành du lịch. R.W.Smith ghi nhận rằng nhiều chuyên gia về luật biển cho rằng, phần lớn các đảo, nếu không muốn nói là tất cả các đảo trên biển Đông, chỉ có thể được xem xét như là đá theo Điều 121(3), và chính vì thế các đảo đá không thể có các vùng biển đầy đủ.¹¹⁸ Thực tiễn quốc gia và các phán quyết trước đây của Tòa án công lý quốc tế đề xuất rằng căn cứ vào kích thước, điều kiện sống, đời sống kinh tế độc lập, đá và đảo ở Biển Đông không thể có hiệu lực pháp lý như trên đất liền trong việc mở rộng các vùng biển.¹¹⁹

Trường hợp bãi Tư Chính đã thúc đẩy Việt Nam trong việc thể hiện lập trường rõ ràng hơn về quy chế đảo. Ngày 8/5/1992, Công ty dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNOOC) đã ký kết với Crestone (Công ty dầu mỏ Mỹ) một “hợp đồng về khai thác dầu mỏ ở điểm

281-285 (2011), Proceedings of the International Workshop co-organized by the Diplomatic Academy of Vietnam and Vietnam Lawyers Association (Nov.1-2,2010)

¹¹⁶ Michael Richardson, *Energy and Geopolitics in the South China Sea: Implication for ASEAN and the Dialogue Partners* (April 2009), DISCUSSION FORUM: INST.SOUTHEAST ASIAN STUD., available at <http://www.iseas.edu.sg/aseanstudiescentre/ascdcf2.htm> (last visited on Mar.30, 2012); SHIYING PAN, THE PETROLOGICS OF THE NANSHA ISLANDS-CHINA'S INDISPUTABLE LEGAL CASE 162 (1996).

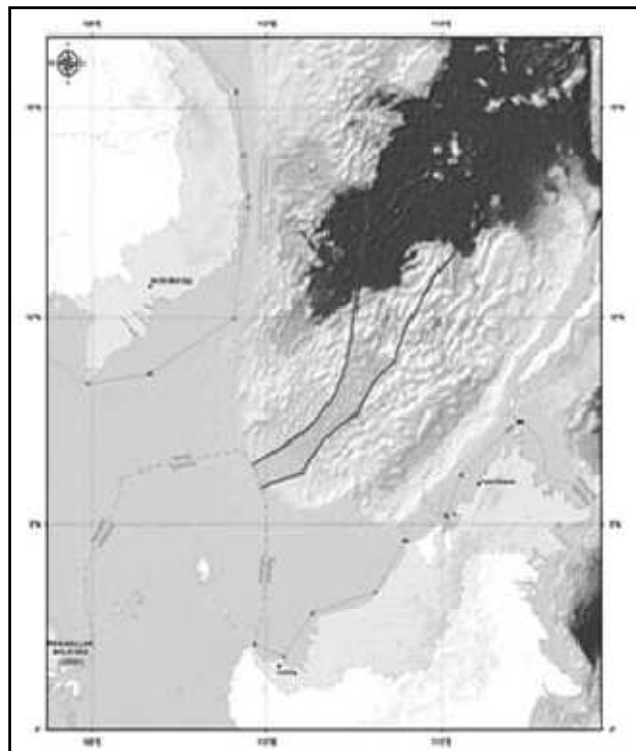
¹¹⁷ Yann Huei Song, *The Application of Article 121 (3) of the Law of the Sea Convention to the Five Selected Disputed Islands in the South China Sea*, THE SOUTH CHINA SEA: COOPERATION FOR REGIONAL SEC. & DEV. 44-45 (Proceedings of the International Workshop co-organized by the Diplomatic Academy of Vietnam and Vietnam Lawyers Association, November 26-27, 2009, Hanoi, Vietnam)

¹¹⁸ Robert Smith, *Maritime Delimitation in the South China Sea: Potentially and Challenges*, 41 OCEAN DEV. & INTL L. 227 (2010). Xem thêm John Van Dyke & Dale Bennet, *Islands and the Delimitation of Ocean Space in the South China Sea*, 10 OCEAN y.b 54 (1993). Van Dyke và Bennett đề xuất lãnh hải 12 hải lý cho đá tại quần đảo Trường Sa. Xem John Van Dyke & Robert Brooks, *Uninhabited Island: Their Impact on the Ownership of the Ocean's Resources*, 12 OCEAN DEV. & INTL L. 265 (1983); Jonathan Charney, *Rocks that Cannot Sustain Human Habitation*, 93 AM. J. INT'L L. 872 (1999); Barbara Kwiatkowska & Alfred Soons, *Entitlement to Maritime Areas of Rocks Which cannot Sustain Human Habitation or Economic Life on Their Owns*, 21 NETH. Y.B. INT'L L. 167-168 (1999); Robert Beckman & Clive Schofield, *Moving Beyond Disputes Over Islands Sovereignty: ICJ Decision sets Stage for Maritime Boundary delimitation in the Singapore Strait*, 40 OCEAN DEV. & INTL L. 10 (2009); Barry Hart Dubner, *The Spartly Rocks Dispute – A Rockapelago Defies Norms of International Law*, 9 TEMP. INTL & COMP. L. J. 304-305 (1995); Alex Elferink, *The Islands in the South China Sea: How does Their Presence Limit the Extent of the High Seas and the Area and the Maritime Zones of the Mainland Coasts?*, 32 OCEAN DEV. & INTL. L. 174 (2001).

¹¹⁹ Vụ về phân định TLD giữa Anh và Bắc Ai-len, và CH Pháp, 18 R.I.A.A (1977); Vụ *Thềm lục địa Biển Bắc*, ghi chú 94 trên, Vụ *Thềm lục địa* (Tunis kiện Libyan Arab Jamahirya), 1982 I.C.J (24/2); Phân định Biên giới biển tại Vịnh Maine (Ca-na-đa kiện Mỹ), 1984 I.C.J (12/10); Vụ *Thềm lục địa* (Libyan Arab Jamahirya kiện Malta), 1985 I.C.J (3/6); Phân định các vùng biển giữa Ca-na-đa và CH Pháp, 31 I.L.M 1149-1178 (1992); Phân định biển tại khu vực giữa Greenland và Jan Mayen (Đan Mạch kiện Na-uy) 1993 I.C.J (14/6); Phân định biển tại Biển Đen (Ro-ma-ni-a kiện U-crai-na), Application 2004 I.C.J (16/9).

Vạn An Bắc 21” bao gồm cả bãi Tư Chính (tiếng Trung: Vạn An Bắc) tại TLD Việt Nam. Trung Quốc lập luận rằng bãi này nằm trong vùng biển tiếp giáp với quần đảo Trường Sa (tiếng Trung: Nam Sa), chính vì thế, bãi này thuộc lãnh thổ của Trung Quốc. Ngày 19/5/1992, Phái đoàn thường trực của Việt Nam tại Liên Hợp Quốc đã gửi công hàm tới các quốc gia thành viên của tổ chức để khẳng định rằng khu vực Tư Chính “nằm trên TLD của Việt Nam, nằm bên ngoài phạm vi của quần đảo Trường Sa”.¹²⁰ Trên thực tế, bãi Tư Chính bao gồm các bãi nửa chìm nửa nổi nằm ở phần mở rộng phía Nam của thềm lục địa Việt Nam. Bãi này cách đảo gần nhất của quần đảo Trường Sa 50 hải lý và cách quần đảo một rãnh nước sâu khoảng 2000 mét. Chính vì thế, bãi Tư Chính không thể được coi là “phụ thuộc” vào bất cứ hòn đảo nào của quần đảo. Rõ ràng bãi Tư Chính không phụ thuộc vào lãnh thổ, hay TLD của Trung Quốc. Bãi này cách lãnh thổ Trung Quốc 600 hải lý, gần như gấp đôi khoảng cách 350 hải lý tính từ đường cơ sở theo quy định của luật biển quốc tế.

Bản đồ 2: Bản đồ hồ sơ chung ranh giới thềm lục địa trình Ủy ban ranh giới thềm lục địa Liên hợp quốc của Việt Nam và Malaysia



Nguồn: Malaysia và CHXHCN Việt Nam, Hồ sơ chung ranh giới thềm lục địa trình Ủy ban ranh giới thềm lục địa Liên hợp quốc theo điều 76, khoản 8 của Công ước Liên Hợp Quốc liên quan đến khu vực phía Nam của Biển Đông, Phần I: Tóm tắt (tháng 5/2009), đăng tải trên http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/mys_vnm2009executivesummary.pdf (tham khảo lần cuối ngày 24/4/2012).

¹²⁰ Tuyên bố của Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam về Hiệp định giữa các công ty dầu mỏ của Trung Quốc và Mỹ về việc thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt trên Thềm lục địa của Việt Nam, Thông cáo báo chí số 08/BC, Phái đoàn Việt Nam ở Liên Hợp Quốc, 19/5/1982.

Quần đảo Trường Sa không có khả năng thích hợp cho con người đến ở hay có đời sống kinh tế riêng. Chính vì thế, quần đảo này không thể có TLD riêng, hoặc không thể được xem xét như một “quốc gia quần đảo” để dựa vào đó có thể yêu sách thêm lục địa. Lập trường này đã được cộng đồng quốc tế ủng hộ. Greg Torode đã đề cập như sau: “Không chỉ Trung Quốc không có quyền với quần đảo Trường Sa, mà không có đảo nào trong quần đảo đủ lớn để yêu sách về một vùng rộng 320 km nên yêu sách của Trung Quốc đối với khu vực Vạn An Bắc không có hiệu lực”.¹²¹ Từ những nhận định về địa chất, ví dụ như khoảng cách và độ sâu được quy định như vậy trong UNCLOS, có thể dễ dàng đi đến kết luận rằng khu vực này thuộc TLD mở rộng từ lãnh thổ của Việt Nam.¹²²

Trong khi thực hiện các nghĩa vụ của quốc gia thành viên UNCLOS về việc đệ trình các yêu sách đối với các TLD mở rộng trước hạn chót là ngày 13/5/2009, Malaysia và Việt Nam đã đệ trình báo cáo chung vào ngày 6/5/2009. Ngày tiếp theo,¹²³ Việt Nam đệ trình báo cáo riêng liên quan đến khu vực phía Bắc, vị trí ở Tây Bắc Biển Đông.¹²⁴ Cả hai báo cáo đệ trình đều đưa ra yêu sách đối với vùng TLD mở rộng tính từ đất liền; cả hai quốc gia đều khẳng định các yêu sách đó không ảnh hưởng tới việc phân định biển với các quốc gia ven biển liên quan. Việt Nam và Malaysia theo đuổi chính sách tách biệt việc đệ trình về TLD mở rộng ngoài 200 hải lý với tranh chấp biển liên quan các thực thể đảo, đá. Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, đối tượng yêu sách chủ quyền tại Biển Đông, đã không được đề cập đến như là các điểm cơ sở.¹²⁵ Cả hai quốc gia dường như chia sẻ quan điểm rằng các thực thể đảo đá tranh chấp này vẫn đang là đối tượng của đàm phán, và tất cả hoặc hầu hết các đảo đá đều chỉ nên có lãnh hải. Cách hành xử của Brunei và Philippines chỉ ra rằng họ có cùng quan điểm về quy chế đảo. Trong thông tin ban đầu cung cấp cho Ủy ban TLD, Brunei thông báo rằng đơn đệ trình trong tương lai của nước này sẽ dựa trên sự kéo dài tự nhiên và liên tục của thềm lục địa tiếp giáp - không từ đảo Trường Sa mà xuất phát từ lãnh thổ của Brunei.¹²⁶ Theo Luật đường cơ sở quần đảo năm 2009, Philippines đã đặt nhóm đảo

¹²¹ Greg Torode, *Vietnam offered profits of oilfield*, THE MORNING HOANAM POST, (5/9/1994).

¹²² Mark Valencia, *The South China Sea: Potential Conflict and Cooperation*, YOGYAKARTA WORKSHOP ON MANAGING POTENTIAL CONFLICTS IN THE SOUTH CHINA SEA 2 (1992). Theo đó: “Khu vực tranh chấp ... có độ sâu liên tục với thềm lục địa của Việt Nam, và xét về mặt địa lý và độ sâu khu vực này tách biệt với quần đảo Trường Sa.”

¹²³ Malaysia-Vietnam, Executive Summary – Joint Submission in respect to the southern part of the South China Sea (7/5/2009). Xem trang web của Ủy ban ranh giới Thềm lục địa (CLCS), *đăng tải* trên http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/mys_vnm2009executivesummary.pdf (tham khảo lần cuối ngày 24/4/2012).

¹²⁴ Xem Đơn đệ trình lên Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa theo điều 76, khoản 8 của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển 1982. Partial Submission in respect of Vietnam’s extended continental shelf: North area (VNM-N), Pt.I (Executive Summary): VNM-N-ES-DOC 4/2009; Commission on the Limits of the Continental Shelf Outer limits of the Continental Shelf Outer limits of the continental shelf beyond 200 nautical miles from the baselines: Submissions to the Commission, Submission of Socialist Republic of Viet Nam, *đăng tải* trên http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/vnm37_09/vnm2009n_executivesummary.pdf (tham khảo ngày 24/4/2012).

¹²⁵ Hong Thao Nguyen & Ramses Amer, *Coastal States in the South China Sea and Submissions on the Outer Limits of the Continental Shelf*, 42 OCEAN DEV. & INTL L. 245-263 (2011).

¹²⁶ Xem Brunei Darussalam’s Preliminary Submission concerning the Outer Limits of its continental shelf (12/5/2009), *đăng tải*

Kalayaan (Trường Sa) và bãi cạn Scarborough theo “quy chế đảo thuộc Cộng hòa Philippines”.¹²⁷ Trong Công hàm số 000228 ngày 5/4/2011 của Phái đoàn thường trực Philippines gửi lên Tổng thư ký Liên Hợp Quốc để phản đối Công hàm của Trung Quốc CML/17/2009 và CML/18/2009 ngày 7/5/2009, Philippines nhấn mạnh rằng “theo nguyên tắc “đất thống trị biển” của luật quốc tế... trong bất kỳ trường hợp nào, phạm vi của các vùng biển tiếp giáp các thực thể địa lý tương ứng có thể xác định rõ ràng theo UNCLOS, đặc biệt theo điều 121 (Quy chế đảo) trong Công ước này.”¹²⁸ Ngày 5/8/2011, Ngoại trưởng Philippines Albert F.del Rosario đã đề xuất thành lập mô hình Khu vực Hòa bình, tự do, hữu nghị, hợp tác của ASEAN (viết tắt: “ZOPFFC”). Theo đó, Philippines đề xuất rằng các thực thể đảo đá đang tranh chấp tại Biển Đông (Philippines gọi là Biển Tây Philippines) sẽ được tách ra khỏi khu vực không tranh chấp theo luật quốc tế, đặc biệt là UNCLOS.¹²⁹ Hầu hết tất cả các nước trong khu vực đều thống nhất về quy chế lãnh hải 12 hải lý đối với các thực thể đảo đá tại Biển Đông, trừ Trung Quốc - nước luôn có “tiêu chuẩn kép” trong vấn đề quy chế đảo. Tại Biển Đông, Trung Quốc yêu sách rằng:

Theo các quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển, cũng như theo Luật Lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1992) và Luật về Vùng ĐQKT và TLĐ của CHND Trung Hoa (1998), quần đảo Nam Sa (Trường Sa của Việt Nam-người dịch) có đầy đủ lãnh hải, vùng ĐQKT và TLĐ.¹³⁰

Việc mở rộng vùng ĐQKT và TLĐ xung quanh Hoàng Sa và Trường Sa chồng lấn lên vùng ĐQKT và TLĐ mở rộng từ bờ biển trên đất liền của các quốc gia ven biển tại Biển Đông. Dựa vào các yêu sách này, Trung Quốc đã phản đối các hoạt động bình thường của các tàu Việt Nam - Bình Minh 02 và Viking 02 - trên TLĐ của Việt Nam,¹³¹ cũng như các hoạt động của Philippines tại bãi Cỏ Rong (tiếng Anh: Reed Bank) vào năm 2011. Tuy nhiên, Trung Quốc có một lập trường trái ngược về điểm Oki-no-Tori Shima, một điểm cơ

trên http://www.un.org/depts/los/cscl_new/submissions_files/preliminary/brn2009preliminaryinformation.pdf (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

¹²⁷ Đạo luật Cộng hòa Phi-líp-pin số 9552, Đạo luật sửa đổi một số điều khoản của Đạo luật Cộng hòa số 3046, đã được sửa đổi từ Đạo luật số 5466, để xác định đường cơ sở quần đảo của Phi-líp-pin và một số mục tiêu khác, được thông qua ngày 10/3/2009, *đăng tải* trên http://lawphil.net/statutes/repacts/ra2009/ra_9522_2009.htm (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

¹²⁸ Ủy ban ranh giới thêm lục địa, Công hàm của Phi-líp-pin số 000228 (5/4/2011), *đăng tải* trên http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09_phl_re_chn_2011.pdf (tham khảo ngày 24/4/2012). Xem thêm Dang Thang Nguyen & Hong Thao Nguyen, *China's Nine Dotted Lines in the South China Sea: The 2011 Exchange of Diplomatic Notes between the Philippines and China*, 43 OCEAN DEV. & INTL L. 47/ Appendix 1 (2012) (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

¹²⁹ Ngoại trưởng Albert F.del Rosario nhắc đến “đường chín đoạn” của Trung Quốc. *Tham khảo* Press Release từ Bộ Ngoại giao Phi-líp-pin ngày 8/8/2011, *đăng tải* trên <http://www.gov.ph/2011/08/05/secretary-del-rosario-says-china%E2%80%99s-9-dash-line-is-%E2%80%9Ccrux-of-the-problem%E2%80%9D-in-wps-proposes-preventive-diplomacy%E2%80%9D-solutions/> (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

¹³⁰ Công hàm số CML/8/2011 ngày 14/4/2011 của Phái đoàn Thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc [công hàm Trung Quốc ngày 14/4/2011] (phản ứng lại Công hàm số 000228 của Phi-líp-pin), *đăng tải* trên http://un.org/Depts/los/clcs_new/submission_files/mysvnm33_09/chn_2011_e_phl_e.pdf (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

¹³¹ *Tham khảo* Chinese boat “harass” Vietnam oil ship, UPSTREAMONLINE, *đăng tải* trên <http://www.upstreamonline.com/live/article258870.ece> (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

sở của Nhật để yêu sách TLĐ mở rộng ngoài 200 hải lý ở Biển Hoa Đông.¹³² Theo phía Trung Quốc, Oki-no Tori Shima thực tế là một đá chiều theo điều 121(3) của UNCLOS; do đó điểm này chỉ có lãnh hải 12 hải lý. Mặt khác, Trung Quốc giữ quan điểm trong việc sử dụng đường cơ sở quần đảo quanh Hoàng Sa vào năm 1996 với mục đích yêu sách đầy đủ các vùng biển cho đảo, một lập trường đã bị Mỹ, Việt Nam và các quốc gia lên án là đi ngược lại UNCLOS.¹³³ Chính sách này đi ngược lại với nhận thức của quốc tế và khu vực và luật biển.¹³⁴

Việt Nam đòi hỏi chủ quyền với các thực thể đảo đá dựa vào các căn cứ lịch sử, phù hợp với luật quốc tế về thụ đắc lãnh thổ. Trong khi đó, Trung Quốc yêu sách trên cơ sở lịch sử không chỉ với các thực thể đảo đá mà còn với các vùng biển nằm trong “đường chín đoạn” trên bản đồ. Đường lưỡi bò lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1947 với 11 đoạn tạo thành chữ U. Hai đoạn trong Vịnh Bắc Bộ đã bị xóa đi sau đó.¹³⁵ Sau này, đường này được biết đến dưới cái tên “đường đứt đoạn” hay “đường chín đoạn”. Chỉ vào năm 2009, trong một bản đồ đính kèm với Công hàm ngày 7/5/2009 nhằm phản đối hồ sơ đệ trình chung của Malaysia và Việt Nam và hồ sơ đệ trình riêng của Việt Nam về TLĐ mở rộng gửi lên Ủy ban ranh giới thêm lục địa, lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Quốc đã thông báo với Liên Hợp Quốc về yêu sách của nước này tại Biển Đông qua việc sử dụng đường đứt đoạn. Văn bản công hàm đã nhấn mạnh Trung Quốc có “chủ quyền không tranh cãi đối với các đảo tại Biển Đông và vùng biển lân cận, và được hưởng quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển đó cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.”¹³⁶ Đường “chín đoạn” chạy

¹³² Phái đoàn Thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc, New York, Công hàm số CML2/2009, 2/2/2009, tham khảo với Đơn đệ trình của Nhật Bản ngày 12/11/2008 lên Ủy ban ranh giới TLĐ liên quan đến ranh giới ngoài của TLĐ ngoài 200 hải lý, [đăng tải trên http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/jpn08/chn_6feb09_e.pdf](http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/jpn08/chn_6feb09_e.pdf) (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

¹³³ Bộ Ngoại giao Mỹ, Limits in the Sea No.117, Straight Baselines Claim: China (9/7/1996), [đăng tải trên http://www.state.gov/documents/organizations/57692.pdf](http://www.state.gov/documents/organizations/57692.pdf) (tham khảo lần cuối 30/3/2012). *Tham khảo thêm* LAW OF THE SEA BULLETIN 32 (1996).

¹³⁴ Ian Storey, *Recent developments in the South China Sea: Cause for Concern*, trong Hội thảo: THE SOUTH CHINA SEA: COOPERATION FOR REGIONAL SEC. & DEV. trang 160-166 (26-27/11/2009); Lesek Buszynski, *Rising Tensions in the South China Sea and Implications for Regional Security*, WORKSHOP: THE SOUTH CHINA SEA: TOWARDS A REGION OF PEACE, SEC. & COOPERATION, trang 89-101 (11-12/11/2010).

¹³⁵ Yann-huei Song & Peter Yu, *China's Historic Waters in the South China Sea: An Analysis from Taiwan*, R.O.C, 12 AM. ASIAN REV. 83-101 (1994); Jiangming Shen, *International Law Rules and Historical Evidences supporting China's title to the South China Sea Islands*, 21 HASTINGS INT'L COMP. L. REV. 1-75 (1997-98); Keyan Zou, *The Chinese Traditional Maritime Boundary Line in the South China Sea and its Legal Consequences for the Resolution of the dispute over the Spratly Islands*, 14 INT'L J.MAR & COASTAL L. 52 (1999); Jiangming Shen, *China's Sovereignty over the South China Sea islands: A Historical Perspective*, 1 CHINESE J.INT'L L. 94-157 (2002); Jinming Li & Dexia Li, *The Dotted Line on the Chinese Map of the South China Sea: A note*, 34 OCEAN DEV. & INT'L L. 287-295 (2003).

¹³⁶ Xem Công hàm số CML/17/2009 của Phái đoàn thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc (phản đối lại Đơn đệ trình chung của Ma-lai-xi-a và Việt Nam lên Ủy ban ranh giới TLĐ (CLCS); Công hàm số CML/18/2009 ngày 7/5/2009 của Phái đoàn Thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc (phản đối Đơn đệ trình của Việt Nam lên CLCS). *Tham khảo thêm* trang web của CLCS, [đăng tải trên http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submission_mysvnm_33_2009.htm](http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submission_mysvnm_33_2009.htm) (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

gần tới phía Đông bờ biển của Việt Nam, phía Bắc của bang Sarawak của Malaysia, dọc đường bờ biển của Brunei và bang Sabah của Malaysia, và gần phía Tây của Philippines, chiếm 80% Biển Đông.

Bản đồ 3: Đường chữ U



Nguồn: Bản đồ đính kèm với Công hàm số CML/17/2009 ngày 7/5/2009 của Phái đoàn thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc (phản đối Hồ sơ đệ trình chung của Malaysia và Việt Nam gửi lên Ủy ban ranh giới TLĐ, có tại địa chỉ: http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submission_files/vnm37_09/chn_2009re_vnm.pdf (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

Trung Quốc chưa bao giờ công khai chính xác đối tượng yêu sách của mình trong “đường chín đoạn”. Tuy nhiên, nhiều học giả Trung Quốc đã có nhiều cách giải thích cho bản chất của đường chín đoạn, từ yêu sách biên giới lãnh thổ,¹³⁷ (không rõ là yêu sách với tất cả các thực thể đảo đá và tất cả các vùng biển như là vùng nước lịch sử,¹³⁸ hay đối với

¹³⁷ Zou, ghi chú 134 phía trên, trang 52; Li & Li, ghi chú 134. *Tham khảo thêm* Hong Thao Nguyen, *China's Nine Broken Line in the Bien Dong Sea (South China Sea) in the Light of International Law*, VIETNAM NEWS, trang 4 (18/5/1997).

¹³⁸ Xem Pan, như trên ghi chú 114; Peter Yu, *The Chinese (Broken) U-shaped Line in the South China Sea: Points, Lines, and Zones*, 25 CONTEMP. SOUTHEAST ASIA, xuất bản lại trên J.INT'L L & STRATEGIC

các đảo và các vùng biển lân cận),¹³⁹ tới yêu sách sở hữu các đảo và quyền lịch sử tại Biển Đông.¹⁴⁰ Dựa vào các lập luận đó, Trung Quốc đã áp đặt lệnh cấm đánh cá đơn phương kể từ năm 1999 và bắt giữ ngư dân của các quốc gia ven biển khác vốn đánh cá truyền thống tại vùng ĐQKT của họ. Trung Quốc đã thách thức “tự do hàng hải” tại Biển Đông qua việc va chạm với các tàu của Hải quân Mỹ.¹⁴¹ Lập trường của Trung Quốc dựa vào “đường chín đoạn” đã bị cộng đồng quốc tế lên án. Một số quốc gia, cả các quốc gia yêu sách và các quốc gia không có yêu sách tại Biển Đông, đã đệ trình công hàm lên Liên Hợp Quốc để phản đối đường chín đoạn này. Việt Nam tuyên bố rằng bản đồ có đường này “không có cơ sở pháp lý, lịch sử hay thực tiễn, và chính vì thế không có giá trị và không có hiệu lực.”¹⁴² Theo Indonesia, Trung Quốc “không có cách giải thích rõ ràng cho cơ sở pháp lý, cách thức hoạch định, và quy chế của đường đứt đoạn đó.”¹⁴³ Chính vì thế, theo Indonesia, bản đồ đường chín đoạn được quy định trong văn bản CML/17/2009 rõ ràng thiếu đi cơ sở pháp lý quốc tế

AF/ 405-430 (2003); Kuan-Hsiung Wang, *The ROC's Maritimes claims and Practices with Special reference to the South China Sea*, 41 OCEAN DEV. & INTL L. 237-252 (2010), Yann-huei Song & Peter Yu, *China's 'Historic Waters' in the South China Sea: An Analysis from Taiwa, R.O.C*, 12 ASIAN REV. 83-101 (1994).

¹³⁹ Xem Công hàm của Trung Quốc ngày 14/4/2011, theo ghi chú 128, Trung Quốc yêu sách rằng: “Quần đảo Nam Sa (Trường Sa của Việt Nam-nd) hoàn toàn có lãnh hải, vùng ĐQKT và TLĐ”, *đăng tải trên* http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/chn_2011_re_phl_e.pdf (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012). Xem thêm Zhiguo Gao, *The South China Sea: From Conflict to Cooperation?*, 25 OCEAN DEV. & INTL. L.346 (1994), Thẩm phán Tòa án Luật biển quốc tế (ITLOS) lập luận rằng: “Đường biên giới trên bản đồ của Trung Quốc chỉ là một đường chỉ ra quyền sở hữu đối với các đảo hơn là biên giới trên biển theo nghĩa thông thường.”

¹⁴⁰ Xem Điều 14 Luật Vùng ĐQKT và TLĐ, được thông qua tại phiên thứ 3 của Ủy ban thường trực của Quốc vụ viện CHND Trung Quốc khóa 9 (26/6/1998), *đăng tải trên* http://un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/chn_1998_eez_act.pdf (tham khảo lần cuối ngày 24/4/2012). Tham khảo thêm Yann-Huei Song and Zou Keyuan, *Maritime Legislation of Mainland China and Taiwan: Developments, Comparison, Implications, and Potential Challenges for the United State*, 31 OCEAN DEV. & INTL.L 303-345 (2000); J Guongxing, *Outer Continental Shelf Claims in the South China Sea: A New Challenge to the China's U shaped line*, in International Workshop: NON-TRADITIONAL, SECURITY COOPERATION IN THE SOUTH CHINA SEA IN HAIKOU (20-22/5/2010); Nozumu Hayashi, *Official says Beijing has "Historical Rights" over South China Sea*, ASAHI SHIBUM (Daily) 26/1/2012, *đăng tải trên* <http://ajw.asahi.com/article/asia/AJ201201260061> (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012). Trong bài phát biểu với Asahi Shimbun, Wu Shicun, chủ tịch Viện Nghiên cứu Biển Đông quốc gia, tại Hải Khẩu, tỉnh Hải Nam, đã giải thích tính hợp lý của yêu sách lãnh thổ của Bắc Kinh: tất cả các đảo nằm trong “đường lưỡi bò” (đường chín đoạn) thuộc vào Trung Quốc, và Trung Quốc có “quyền lịch sử”, bao gồm quyền đánh cá, đối với các vùng nước lân cận.

¹⁴¹ Carlyle Thayer, *Recent Development in the South China Sea: Implications for Peace, Stability and Cooperation in the Region*, INTERNATIONAL WORKSHOP ON THE SOUTH CHINA SEA IN HANOI (Tham luận giới thiệu tại Hội thảo quốc tế lần thứ hai về Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển khu vực, Học viện Ngoại giao Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam đồng tổ chức) (27/11/2009), *đăng tải trên* <http://www.scrib.com/doc/42829909/Thayer-recent-developments-in-the-South-China-Sea-Implications-for-Regional-Security> (tham khảo cuối cùng này 30/3/2012).

¹⁴² Công hàm số 86/HC-2009 ngày 8/5/2009 của Phái đoàn Thường trực CHXHCN Việt Nam tại Liên Hợp Quốc (phản ứng lại Công hàm số CML/12/2009 ngày 7/5/2009 và CML/18/2009 ngày 7/5/2009 của Phái đoàn Thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc) (Công hàm 2009 của Việt Nam). Xem trang web của CLCS, *đăng tải trên* http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm_33_2009.htm (tham khảo lần cuối 30/3/2012).

¹⁴³ Công hàm số 480/POL-703/VII/10 ngày 8/7/2010 của Phái đoàn Thường trực của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a tại Liên Hợp Quốc (phản ứng lại Công hàm số CML/17/2009 ngày 7/5/2009 của Phái đoàn Thường trực của CHND Trung Hoa) (Công hàm 2010 của In-đô-nê-xi-a), *đăng tải trên* http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/idn_2010re_mys_vnm_e.pdf (tham khảo lần cuối vào ngày 30/3/2012).

và đã đi trái với UNCLOS.”¹⁴⁴ Philippines, qua Công hàm 5/4/2011, viện dẫn nguyên tắc “đất thống trị biển” để thách thức mạnh mẽ tính hiệu lực của đường chín đoạn.¹⁴⁵ Lập trường này được Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton ủng hộ trong Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) tại Hà Nội ngày 23/7/2010. Theo đó, bà đã phát biểu như sau: “Phù hợp với tập quán quốc tế, các yêu sách đối với các vùng biển chính đáng tại Biển Đông nên được tách rời với các yêu sách đối với các thực thể đảo đá.”¹⁴⁶

Một số nhận định đã được đưa ra liên quan đến đường chín đoạn của Trung Quốc. Trước hết, cho dù đường chín đoạn được xuất bản năm 1947,¹⁴⁷ hay được chính thức đưa ra cộng đồng quốc tế ngày 7/5/2009 thì ý nghĩa của “đường chín đoạn” không rõ ràng. Thứ hai, nguồn gốc của đường này chỉ là một dạng xuất bản tư nhân.¹⁴⁸ Thứ ba, đường chín đoạn không ổn định và cũng không được xác định rõ ràng. Ban đầu, đường này có 11 đoạn, sau đó chỉ còn 9 đoạn. Liệu đường đứt đoạn có thể được thay đổi tùy ý mà không có lý do chính thức? Đường này cũng được vẽ mà không có tọa độ cụ thể. Theo luật quốc tế, đường biên giới phải ổn định, rõ ràng và là cuối cùng.¹⁴⁹ Liệu “đường chín đoạn” có thể được coi là đường biên giới mà không có tọa độ cụ thể, với đường đứt đoạn và những thay đổi tùy ý? Đường không xác định rõ ràng và không ổn định như vậy không thỏa mãn các quy định của luật quốc tế, cũng không chứng minh cho yêu sách chính đáng. Thứ tư, trước khi “đường chín đoạn” được Bộ Nội vụ của Trung Hoa dân quốc công bố, Pháp đã cử tàu và lực lượng hải quân ra chiếm lại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa năm 1946 để duy trì danh nghĩa chủ quyền mà nước này thừa hưởng từ Nhà nước phong kiến An Nam và từ hoạt động của người Pháp vào năm 1933 chiếm hữu quần đảo Trường Sa phù hợp với luật quốc tế. Đây là một hành động mang tính chất biểu tượng để phản đối lại chủ ý của Trung Quốc về yêu sách hai quần đảo trong việc hoạch định “đường chín đoạn”. Thứ năm, Hiệp ước Hòa bình San Francisco đã không đề cập tới “đường chín đoạn”. Hơn nữa, tuyên bố của Thủ tướng Chu Ân Lai năm 1951 về dự thảo Hiệp ước San Francisco đã không đề cập tới “đường chín đoạn”. Chính vì thế, thật sai lầm khi yêu sách rằng đã có sự công nhận của quốc tế về “đường chín đoạn”. Thứ sáu, tranh chấp hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc về chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như những yêu sách của Philippines, Malaysia và Brunei đối với toàn bộ hoặc một phần quần đảo Trường Sa đã cho thấy “đường chín đoạn” tại Biển Đông khó có thể được các quốc gia khác công nhận. Thứ bảy, ngay cả các quốc gia không liên quan đến tranh chấp, như Mỹ hay Indonesia đã thể hiện sự không

¹⁴⁴ *Như trên.*

¹⁴⁵ Công hàm của Phi-líp-pin, 5/4/2011, *như trên* ghi chú 126.

¹⁴⁶ Thayer, *như trên* ghi chú 2.

¹⁴⁷ Kuan-Hsiung Wang, *The ROC's Maritime Claims and Practices with Special Reference to the South China Sea*, 41 OCEAN DEV. & INT'L L.238 (2010).

¹⁴⁸ Erik Franckx & Marco Benatar, *Dotted lines in the South China Sea: Fishing for (Legal) Clarity*, 2 ASIAN J.Int'l L.91 (2012), n.5, Zou Keyuan đề cập tới sự tồn tại của một đường tại Biển Đông do một nhà bản đồ người Trung Quốc vẽ, Hu Jinjie, năm 1914 và sau này vào năm 1920 và 1930. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng: (1) những đường đó xuất hiện sớm hơn bản đồ chính thức đầu tiên vẽ đường chữ U. Và (2) các tập bản đồ được nhắc tới trước kia do các cá nhân biên soạn dựa trên năng lực cá nhân.

¹⁴⁹ *Temple at Prear Vihear case*, *như trên*, ghi chú số 94, trang 35.

đồng ý với đường này. Thứ tám, bản thân Trung Quốc cũng không công nhận tại bất cứ giai đoạn nào, dù là qua thực tiễn sau này hay qua các văn bản chính thức, ý nghĩa của đường chín đoạn. Nước này từng tuyên bố rằng khu vực ngoài lãnh hải 12 hải lý quanh các đảo của Trường Sa là biển cả (tuyên bố về Lãnh hải của Trung Quốc năm 1958), là vùng tiếp giáp lãnh hải (Luật về lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải năm 1992), vùng ĐQKT và vùng TLĐ (Luật về vùng ĐQKT và TLĐ của Trung Quốc năm 1998). Tuy nhiên, giới hạn của các vùng biển được hoạch định phù hợp với UNCLOS không bao giờ trùng khớp với “đường chín đoạn”. Trong vụ việc *Dubai/Sharjan* năm 1981, quyết định của trọng tài đã đề cập như sau: “Nguyên tắc sự ổn định của các đường biên giới - đường biên giới được hoạch định theo các quyết định hành chính và không xuất phát từ Hiệp định hay từ quyết định trọng tài- phụ thuộc một cách chính xác vào sự công nhận và áp dụng hữu hiệu trong thực tiễn sau này.”¹⁵⁰ Rõ ràng, “đường chín đoạn” không nhận được bất cứ sự công nhận cũng như áp dụng một cách hữu hiệu trong thực tiễn sau này.

Ngoài ra, lập luận của Trung Quốc rằng “đường chín đoạn” chỉ ra các vùng nước lịch sử là không thuyết phục.¹⁵¹ Thứ nhất, theo Văn bản chuẩn bị (Dự thảo) của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1958, danh sách các vùng nước lịch sử trên thế giới không đề cập đến vùng nước lịch sử trong đường chữ U tại Biển Đông. Thứ hai, theo điều 15 của UNCLOS, khái niệm danh nghĩa lịch sử chỉ có thể được áp dụng trong việc phân định lãnh hải 12 hải lý giữa các quốc gia có đường bờ biển đối diện hoặc tiếp giáp trong các trường hợp đặc biệt. Không có quy định nào trong UNCLOS về danh nghĩa lịch sử cho vùng biển ngoài 12 hải lý tính từ đường cơ sở, trong khi “đường chín đoạn” nằm cách bờ biển Trung Quốc vài trăm hải lý. Thứ ba, khái niệm vùng nước lịch sử không phù hợp với các luật, quy định và các tuyên bố chính thức của Trung Quốc về lãnh hải, vùng ĐQKT và vùng TLĐ. Thông qua Tuyên bố về Lãnh hải năm 1958, Trung Quốc đã công nhận biển cả nằm ngoài lãnh hải. Việc Trung Quốc phê chuẩn UNCLOS năm 1996 ngụ ý rằng bất cứ quyền lịch sử nào đối với tài nguyên thiên nhiên do phía Trung Quốc yêu sách trước ngày phê chuẩn trong khu vực mà hiện nay là vùng ĐQKT hay TLĐ của các quốc gia khác, buộc phải từ bỏ. Lý do là mối quan hệ pháp lý giữa các quốc gia thành viên UNCLOS trong đó có Trung Quốc hiện nay đã được Công ước điều chỉnh. Trung Quốc không thể sử dụng nội luật của mình như một lý do để không tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế theo UNCLOS.¹⁵² Thứ tư, “đường chín đoạn” được hoạch định một cách tùy ý; đường này không bắt đầu từ lục địa cũng không xuất phát từ đảo. Điều đó là trái với nguyên tắc “đất thống trị biển.” Một đường như vậy không thể mang lại cho quốc gia yêu sách một vùng biển đi ngược lại với các điều khoản của UNCLOS, hay chủ quyền đối với các đảo và đá trong đường này. Thứ năm, “đường chín đoạn” tác động không chỉ tới các quốc gia có tranh chấp chủ quyền, mà còn tác động tới cả các quyền và tự do hàng hải, an ninh biển và hàng không của cộng đồng khu vực và thế giới.

¹⁵⁰ INTERNATIONAL LAW REPORTS, vol.91, trang 584 (Lauterpacht & Greenwood eds.1993).

¹⁵¹ Franck & Benatar, *như trên* ghi chú 146, trang 216.

¹⁵² Beckman, *như trên* ghi chú số 6 trang 13; Công ước Viên về Luật điều ước, điều 27.

4. Quan điểm của Việt Nam về giải quyết tranh chấp tại Biển Đông

Từng là nạn nhân của việc sử dụng vũ lực trong các tranh chấp chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam hiểu rõ giá trị của hòa bình; Việt Nam nỗ lực theo đuổi giải quyết hòa bình các tranh chấp tại Biển Đông. Lập trường này đã được tái khẳng định trong các văn bản và tuyên bố chính thức, như Tuyên bố Chính phủ năm 1977 và 1982. Nghị quyết Quốc hội về việc phê chuẩn UNCLOS năm 1994 đã quy định:

Quốc hội một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng như các bất đồng khác liên quan đến Biển Đông thông qua thương lượng hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982, tôn trọng quyền chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản và lâu dài, các bên liên quan cần duy trì ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.¹⁵³

Thêm vào đó, Việt Nam cũng ủng hộ giải quyết tranh chấp biển thông qua đàm phán trực tiếp với thiện chí, dựa trên sự tôn trọng đối với các quyền và lợi ích chính đáng của các bên liên quan nhằm đạt được một thỏa thuận về giải pháp công bằng và hợp lý, được tất cả các bên chấp nhận. Quan điểm này của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với điều 33 của Hiến chương Liên Hợp Quốc, điều 74 và 83 của UNCLOS, luật pháp và tập quán quốc tế khác.

Tại Đông Nam Á, Việt Nam đã dẫn đầu trong việc giải quyết các vấn đề phân định biển phù hợp với UNCLOS. Việt Nam đã ký kết Hiệp định về phân định biển với Thái Lan ngày 9/8/1997, Hiệp định về phân định Vịnh Bắc Bộ, Hiệp định hợp tác nghề cá tại Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc ngày 25/12/2000 và Hiệp định phân định thềm lục địa với Indonesia vào ngày 26/6/2003.¹⁵⁴

Tuy nhiên, Việt Nam không giữ một quan điểm cứng nhắc. Trong các cuộc đàm phán để tiến tới giải pháp phân định cuối cùng, nếu cần thiết và dựa trên sự đồng ý của các bên, Việt Nam và các nước có thể lựa chọn tiến hành các biện pháp tạm thời theo tinh thần của điều 74 và 83 của UNCLOS. Việt Nam cũng đã công nhận các vùng nước lịch sử được đặt dưới chế độ quản lý chung với Campuchia từ năm 1982. Năm 1992, Việt Nam đã đạt được thỏa thuận với Malaysia về khai thác dầu khí chung trong khu vực chồng lấn, và sau đó, thúc đẩy thương lượng về khai thác dầu khí chung trong khu vực chồng lấn giữa Việt Nam, Thái Lan và Malaysia (thương lượng bắt đầu từ năm 1998). Hình thức khai thác chung đã được áp dụng cho các vùng đã được phân định như Vùng đánh cá chung và Vùng đánh cá quá độ với Trung Quốc tại Vịnh Bắc Bộ (có hiệu lực ngày 30/6/2004). Với thực tiễn và kinh

¹⁵³ Nguyen & Hoang, *như trên* 109.

¹⁵⁴ Ramses Amer & Hong Thao Nguyen, *Vietnam's Border Disputes: Legal and Conflict Management Dimension*, 12 ASIAN Y.B. INT'L L. 111-128 (2005-2006).

nghiệm của mình, Việt Nam là một trong các quốc gia có nhiều hiệp định khai thác chung nhất trên thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam không bao giờ chấp nhận ý tưởng “chủ quyền của Trung Quốc, gác tranh chấp, cùng khai thác.”¹⁵⁵

Liên quan đến các tranh chấp Biển Đông, Việt Nam đã có một số sáng kiến trong việc tìm kiếm giải quyết tranh chấp thông qua các kênh song phương và đa phương. Một diễn đàn đã được thành lập dành cho các cuộc đàm phán liên quan đến các vấn đề biển với Trung Quốc từ năm 1993. Vào năm 1994, Chương trình Khảo sát Nghiên cứu Khoa học Biển Đông (JOMSRE-SCS) lần đầu tiên được các nhà lãnh đạo Việt Nam và Philippines đề xuất. Sáng kiến này được lặp đi lặp lại nhiều lần trong các năm tiếp theo. Tháng 11/1995, Việt Nam đã ký kết với Philippines một văn kiện về tám nguyên tắc ứng xử tại Biển Đông. Khoản 7.16 trong Tuyên bố Hà Nội của Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 6 năm 1998 kêu gọi các quốc gia thành viên ASEAN cần nỗ lực trong việc soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử tại Biển Đông giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam và Philippines đã dự thảo ra Bộ quy tắc ứng xử ASEAN¹⁵⁶ và có những đóng góp lớn trong việc ASEAN và Trung Quốc ký kết Tuyên bố ứng xử của các bên tại Biển Đông (DOC) ngày 4/12/2002.¹⁵⁷ DOC là văn kiện chính trị đầu tiên, mở đường cho các hoạt động hợp tác biển giữa các bên liên quan trong những lĩnh vực ít nhạy cảm nhất nhằm xây dựng lòng tin.

Năm 2005, “Hiệp định ba bên về khảo sát Địa chấn biển chung trong vùng thỏa thuận” tại Biển Đông đã được ba công ty quốc gia dầu mỏ của Trung Quốc, Philippines và Việt Nam ký kết: đó là Công ty dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNOOC), Công ty dầu khí quốc gia Philippines (PNOC) và PETROVIETNAM. Thỏa thuận được coi là bước đi đầu tiên để thực hiện DOC.¹⁵⁸ Năm 2010, khi Việt Nam là Chủ tịch ASEAN, Diễn đàn ARF lần thứ 17 và Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN lần thứ nhất (ADMM) và các hội nghị diễn ra tại Hà Nội đã nhắc lại sự cần thiết của việc tăng cường cơ chế quản lý xung đột tại Biển Đông. Năm 2011, trong các hội nghị của AMM 18 tại Bali của Indonesia, ASEAN và Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận về Bản hướng dẫn thực thi Tuyên bố về cách ứng xử của các bên tại Biển Đông (DOC Guidelines). Điều này cho thấy quyết tâm của Việt Nam và các

¹⁵⁵ Thủ tướng kế nhiệm của Trung Quốc Lí Bình đã đưa ra đề xuất của Trung Quốc và mô hình phát triển chung vào năm 1990. Để xem chi tiết về đề xuất này cũng như tổng quan chi tiết chính sách của Trung Quốc đối với Biển Đông vào thập kỷ 1990, tham khảo LAI TO LEE, CHINA AND SOUTH CHINA SEA DIALOGUES (1999). Tham khảo thêm Nguyen & Amer, *A New Legal Arrangement for the South China Sea*, như trên 6.

¹⁵⁶ Hong Thao Nguyen, *Vietnam and the Code of Conduct for the South China Sea*, 32 OCEAN DEV & INTL.L 195-130 (2001)

¹⁵⁷ Hong Thao Nguyen, *The 2002 Declaration on the Conduct of parties in the South China Sea: A Note*, 34 OCEAN DEV. & INTL. 279-285 (2003). Tham khảo thêm Wu Shicun & Ren Huai Feng, *More than a Declaration: A Commentary on the Background and the Significance of the Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea*, 3 CHINESE J.INT’L L. (2003).

¹⁵⁸ Nguyen & Amer, *A new Legal Arrangement for the South China Sea*, như trên 6.

thành viên khác của ASEAN trong việc thuyết phục Trung Quốc về sự cần thiết kiểm soát và quản lý tranh chấp tại Biển Đông.¹⁵⁹

Tháng 10 năm 2011, Việt Nam đã ký kết với Trung Quốc Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản định hướng giải quyết các vấn đề trên biển.¹⁶⁰ Thỏa thuận này sẽ giúp hai bên thúc đẩy quá trình đàm phán về các vấn đề trên biển và tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài được cả hai bên chấp nhận. Đồng thời, hai bên cũng chủ động bàn thảo về cách thức tìm kiếm những giải pháp quá độ và tạm thời không làm ảnh hưởng đến lập trường và chính sách của mỗi bên, trong đó bao gồm việc nghiên cứu và thảo luận về việc hợp tác phát triển chung. Cơ sở của việc giải quyết các tranh chấp biển tại Biển Đông có thể được tóm tắt như sau:

- Quy chế pháp lý và các nguyên tắc được xác định trong luật quốc tế, bao gồm Công ước Luật biển năm 1982;
- Các hiệp định và nhận thức chung do lãnh đạo cấp cao đạt được, và
- Phù hợp với các nguyên tắc và tinh thần của DOC.

Các tranh chấp liên quan đến biển giữa Việt Nam và Trung Quốc (Hoàng Sa và vùng biển ngoài cửa vịnh Bắc Bộ) có thể được giải quyết thông qua đối thoại và đàm phán hữu nghị. Việt Nam luôn luôn giữ lập trường rằng tranh chấp liên quan đến các quốc gia khác (trong tranh chấp Trường Sa) giải quyết thông qua đàm phán với các bên liên quan khác.¹⁶¹

5. Kết luận

Trong bài báo này, tác giả đã đề cập hai vấn đề: lập trường của Việt Nam về tranh chấp chủ quyền đối với Trường Sa và Hoàng Sa và các vùng biển tại Biển Đông. Các tranh chấp tại Biển Đông đã tồn tại một thời gian dài. Các tranh chấp này đã và đang tác động nghiêm trọng tới sự phát triển kinh tế của từng quốc gia ven biển bị ảnh hưởng, tới sự ổn định và hòa bình trong khu vực, tới các lợi ích của cộng đồng quốc tế. Giải quyết các tranh chấp này đòi hỏi những nỗ lực của các bên yêu sách, của toàn khu vực, và của cộng đồng quốc tế. Tóm lại, lập trường của Việt Nam trong tranh chấp Biển Đông dựa vào ba điểm: (1) chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa; (2) phù hợp với UNCLOS trong việc xác định và phân định các vùng biển quanh đảo; (3) phản đối “đường chín đoạn”, trở ngại chính cho việc giải quyết các tranh chấp tại Biển Đông bằng các phương thức hòa bình.

¹⁵⁹ Thụy Chung, *ASEAN-China agree on East Sea guidelines*, VIETNAMBRIDGE (20/7/2011), *đăng tải* trên <http://english.vietnamnet.vn/en/politics/10911/asean-china-agree-on-east-sea-guidelines.htm> (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012)

¹⁶⁰ VNA, Vietnam-China Joint Statement, 16/10/2012 *đăng tải* trên trang <http://vna/Agreement15102011seapinciples/vietnam-china-joint-statement-2011.htm> (tham khảo lần cuối ngày 30/3/2012).

¹⁶¹ VNA, Vietnam-China Sign Agreement on Basic Sea Principles, October 12, 2011, *available at* <http://vna/Agreement15102011seapinciples/vn-china-sign-agreement-on-basic-sea-principles-1.47607.htm> (tham khảo lần cuối vào ngày 30/3/2012)

Các nhân tố chính để giải quyết bế tắc đó phải được dựa vào lòng tin giữa các bên, thiện chí tôn trọng và tuân thủ luật quốc tế. Các tranh chấp chủ quyền cần được giải quyết trực tiếp giữa các bên liên quan thông qua các giải pháp hòa bình. Các tranh chấp biển phải được giải quyết dựa trên cơ sở phù hợp với UNCLOS. Các vấn đề song phương phải được giải quyết trên cơ sở song phương. Mặt khác, các vấn đề đa phương phải được giải quyết trên cơ sở đa phương. Đó chính là con đường mà Việt Nam lựa chọn.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghienquoc@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với [Nghienquoc.net](http://nghienquoc.net)

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghienquoc.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của [Nghienquoc.net](http://nghienquoc.net):

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang [Nghienquoc.net](http://nghienquoc.net). Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang [Nghienquoc.net](http://nghienquoc.net): 25%.

Trang [Nghienquoc.net](http://nghienquoc.net) chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ nghienquoc.net

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên nghienquoc.net.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập nghienquoc.net.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, nghienquoc.net không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, [Nghienquoc.net](http://nghienquoc.net) và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghienquoc@gmail.com.